

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL2/2024/HĐĐG ngày 08 tháng 11 năm 2024)

TT	Phụ lục chi tiết	Số lượng	Giá trị thẩm định trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị thẩm định sau thuế
1	Phụ lục 01.01	351.106	18.316.175	1.831.618	20.147.793
2	Phụ lục 01.02	721.063	43.905.968	4.390.597	48.296.564
3	Phụ lục 01.03	23.864	6.513.260	651.326	7.164.586
4	Phụ lục 01.04	433.547	223.107.103	22.310.710	245.417.813
4.1		433.227	208.191.327	20.819.133	229.010.460
4.2		20	2.108.894	210.889	2.319.783
4.3		300	12.806.882	1.280.688	14.087.570
		1.529.580	291.842.505	29.184.251	321.026.756
			Làm tròn giá khởi điểm		322.000.000

Handwritten mark

PHỤ LỤC 01.01

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL2/2024/HĐĐG ngày 08 tháng 11 năm 2024)

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	QUALCOMM MOBILE STATION MODEM; MSM6290 NSP384	1000-000001	Chiếc	299	9.583	2.865.181
2	QUALCOMM POWER MANAGEMENT; PM6653 CSP97	1000-000002	Chiếc	227	810	183.823
3	QUALCOMM QUADBAND GSM, QUADBAND UMTS TRANSCEIVER	1000-000005	Chiếc	227	2.384	541.256
4	MCP WITH 64MB 8-BIT NAND + 32MB 32-BIT SDR SDRAM	0900-000002	Chiếc	1.634	1.964	3.209.172
5	CAP CER .10UF 10V 10% X5R 0201	0301-000002	Chiếc	25.166	5	124.540
6	CAP CER 4.7UF 6.3V 20% X5R 0603	0301-000003	Chiếc	2.270	27	62.091
7	CAP CER 10UF 20% 6.3V X5R 0603	0301-000008	Chiếc	1.589	69	109.732
8	CAP CER 1.0UF 16V 10% X5R 0402	0301-000011	Chiếc	454	25	11.336
9	CAP CER .6PF 25V +/-0.075PF COG 0201	0301-000021	Chiếc	227	6	1.320
10	INDUCTOR 3.0NH+/-0.1NH 450MA 0201	2100-000002	Chiếc	227	23	5.155
11	INDUCTOR 33NH 5% 0201	2100-000003	Chiếc	227	18	4.199
12	INDUCTOR 2NH, +/-0.1NH, 0201	2100-000004	Chiếc	227	23	5.156
13	INDUCTOR 6.8NH+/-5% 300MA 0201	2100-000005	Chiếc	227	18	4.199
14	INDUCTOR 3.6NH+/-0.1NH 400MA 0201	2100-000008	Chiếc	227	23	5.137
15	INDUCTOR 10NH, 3%, 0201	2100-000009	Chiếc	227	23	5.150
16	INDUCTOR 5.6NH+/-5% 350MA 0201	2100-000010	Chiếc	227	19	4.200
17	INDUCTOR 15NH +/-3% FIXED 0201	2100-000011	Chiếc	227	23	5.158
18	SWITCHPLEXER + SAW, DUAL-BAND GSM, TRI-BAND UMTS	1400-000001	Chiếc	227	2.571	583.638
19	UMTS2100, 4 X 7MM FRONT END MODULE (FILTER + PA + DUPLEXER)	1000-000007	Chiếc	227	3.217	730.186
20	4-CHANNEL ESD SOLUTION FOR HIGH-SPEED INTERFACE	1000-000003	Chiếc	227	94	21.303
21	IC, QUAD-BAND GSM850/GSM900/DCS/PCS PA	1000-000006	Chiếc	227	4.724	1.072.300
22	CRYSTAL 32.7680KHZ 12.5PF SMD	1300-000001	Chiếc	227	544	123.570
23	SAW FILTER, UNBALANCE IN, BALANCE OUT, 2110-2170MHZ	1200-000001	Chiếc	227	304	68.963
24	CAP TANT 1000UF 6.3V 20% 200MOHM SMD	0302-000002	Chiếc	227	1.833	416.155
25	CAP TANT 100UF 6.3V 20% SMD	0302-000001	Chiếc	227	534	121.323
26	MOSFET P-CH 20V 350MA SC89-3	0505-000001	Chiếc	227	157	35.743
27	CAP CER 2.2UF 16V X5R 10% 0603	0301-000018	Chiếc	908	16	14.706
28	DIODE SCHOTTKY; 30V 200MA ;0603	0404-000001	Chiếc	3.020	40	119.701

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
29	ZENER DIODES; 5.1V 200MW	0403-000001	Chiếc	67.807	40	2.687.598
30	LED CHIP BLUEGREEN; 1.5X1.6X0.55MM SMD	1100-000001	Chiếc	3.849	112	432.902
31	IC GATE NAND SINGLE 2INP SOT553	0900-000001	Chiếc	227	213	48.407
32	INDUCTOR 4.7UH 20% 260MOHM 680MA 1007 SMD	2100-000001	Chiếc	681	103	70.465
33	INDUCTOR 4.3NH, +/-0.2NH, 0201	2100-000012	Chiếc	227	91	20.694
34	INDUCTOR	2100-000007-COI	Chiếc	227	360	81.699
35	OSC, TCXO, 19.2MHZ	1300-000002	Chiếc	873	1.170	1.021.149
36	USIM + SD CARD STACKED CONNECTOR OF IN CON	1600-000001	Chiếc	423	900	380.772
37	USB A-TYPE 4PIN MALE CONNECTOR SMT ECONN	1600-000002	Chiếc	227	144	32.764
38	RF SWITCH RIGHT ANGEL TYPE	1600-000003	Chiếc	179	326	58.419
39	1.2MHZ, 1.5A SYNCHRONOUS STEP-DOWN DC/DC REGULATOR	2300-000001	Chiếc	227	697	158.292
40	FULL FUNCTION LOAD SWITCH WITH ADJUSTABLE CURRENT LIMIT	0800-000001	Chiếc	227	247	56.168
41	RES 51K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000001	Chiếc	3.257	2	6.008
42	RES 51 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000002	Chiếc	11.018	2	20.323
43	RES 6.04K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000003	Chiếc	7.699	2	17.318
44	RES 10K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000004	Chiếc	9.119	2	16.820
45	RES 0.0 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000005	Chiếc	1.589	2	2.931
46	RES 100K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000006	Chiếc	454	2	837
47	RES 33 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000007	Chiếc	7.778	2	14.347
48	RES 24 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000008	Chiếc	7.753	2	14.301
49	RES ZERO OHM 1/10W 5% 0402 SMD	0200-000009	Chiếc	3.265	1	1.983
50	RESISTOR 1.0 OHM 1/10W 5% 0603	0200-000010	Chiếc	227	1	179
51	RES 15K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000011	Chiếc	7.770	2	14.332
52	RES 1.0K OHM 1/10W 5% 0402 SMD	0200-000012	Chiếc	11.350	1	6.893
53	RES 2K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000013	Chiếc	7.786	2	14.362
54	RES 200K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000014	Chiếc	7.810	2	14.406
55	RES 121K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000015	Chiếc	7.790	2	17.523
56	RES 47 OHM 1/16W 5% 0402	0200-000016	Chiếc	7.799	2	14.105
57	RES 12K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000017	Chiếc	7.770	2	17.478
58	RES 62 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000018	Chiếc	7.804	2	14.395
59	RES 100 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000019	Chiếc	1.135	2	2.094
60	RES 27 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000020	Chiếc	7.800	2	14.387
61	RES 200 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000021	Chiếc	454	2	837
62	RES 2.2K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000022	Chiếc	7.753	2	14.301

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
63	RES 82 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000023	Chiếc	3.459	2	6.380
64	RES 309.0K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000024	Chiếc	7.705	2	17.332
65	RES 59.0K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000025	Chiếc	7.708	2	17.339
66	RES 10K5 OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000032	Chiếc	7.766	2	17.469
67	CAP CER 22PF 50V 5% C0G 0201	0301-000001	Chiếc	2.497	3	7.302
68	CAP CER 22PF 50V 5% C0G 0202	0301-000001-MUR	Chiếc	372	2	762
69	CAP CER 100PF 25V 5% U2J 0201	0301-000004	Chiếc	3.178	3	9.293
70	CAP CER 100PF 25V 5% U2J 0202	0301-000004-MUR	Chiếc	4.326	2	8.855
71	CAP CER 33PF 25V 5% NP0 0201	0301-000005	Chiếc	2.724	3	7.966
72	CAP CER 10000PF 10V 10% X5R 0201	0301-000006	Chiếc	6.810	3	20.680
73	CAP 1000PF 25V 5% CERAMIC X7R 0201	0301-000007	Chiếc	4.994	3	15.165
74	CAP CER 0.033 \bar{U} F 6.3V X5R 10% 0201	0301-000009	Chiếc	227	9	2.152
75	CAP CER 0.033UF 6.3V X5R 10% 0201	0301-000009-MUR	Chiếc	59	6	372
76	CAP CER 2200PF 25V 10% X7R 0201	0301-000010	Chiếc	227	3	687
77	CAP CER 150PF 25V 5% X7R 0201	0301-000012	Chiếc	908	3	2.737
78	CAP CER 150PF 25V 5% X7R 0201	0301-000012-MUR	Chiếc	134	2	319
79	CAP CER 1.5PF, +/-0.1PF, C0G/NP0, 25V, 0201	0301-000013	Chiếc	227	6	1.275
80	CAP CER 12PF 25V 5% NP0 0201	0301-000014	Chiếc	227	3	662
81	CAP CER 12PF 25V 5% NP0 0201	0301-000014-MUR	Chiếc	69	2	141
82	CAP CER 39PF 25V 5% NP0 0201	0301-000015	Chiếc	227	3	662
83	CAP CER 68PF, 25V,5%, 0201	0301-000016	Chiếc	227	3	662
84	CAP CER 4.7UF 10V -20%+80% Y5V 0603	0301-000017	Chiếc	227	23	5.280
85	CAP CER 1.0UF 6.3V 10% X5R 0603	0301-000019	Chiếc	454	7	3.166
86	CAP 22PF 50V 5% CERAMIC 0402 SMD	0301-000020	Chiếc	227	2	465
87	CAP CER 10PF 5% 25V NP0 0201	0301-000022	Chiếc	227	3	662
88	CAP CER 4.7PF +/-0.1PF 25V C0G 0201	0301-000023	Chiếc	681	6	4.136
89	CAP CER 47PF 25V 5% C0G 0201	0301-000027	Chiếc	227	3	663
90	CAP CER 47PF 25V 5% C0G 0201	0301-000027-MUR	Chiếc	165	2	338
91	CAP CER 56PF 25V 5% NP0 0201	0301-000026	Chiếc	454	3	1.328
92	INDUCTOR HI FREQ 15NH 5% 0402	2100-000006	Chiếc	227	9	2.042
93	SHIELD-CAN CLIP	NS03-000005	Chiếc	4.264	169	719.420
94	PCB ARRAY, VT1000	NS16-000001-UNI	Chiếc	222	1.490	330.784
95	SHIELD-CAN TOP, USB-VT1000	NS03-000001	Chiếc	225	165	37.212
96	SHIELD-CAN BOT, USB-VT1000	NS03-000002	Chiếc	287	132	37.746
97	ANTENNA, VT1000	NS21-000001	Chiếc	271	616	166.922

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
98	SPONGE, USB-VT1000	NS24-000001	Chiếc	1.386	5	7.300
99	FRONT COVER	NS2B-000001	Chiếc	271	416	112.826
100	LED COVER	NS2T-000002	Chiếc	271	38	10.298
101	RF COVER	NS2B-000004	Chiếc	271	73	19.913
102	REAR COVER	NS2B-000003	Chiếc	271	409	110.867
103	SIM CARD COVER	NS2B-000005	Chiếc	271	333	90.236
104	USB CONNECTOR COVER	NS2B-000006	Chiếc	271	400	108.321
105	GIFTBOX	NS18-000001	Chiếc	402	206	82.879
106	CARTON; CARTON FOR GIFTBOX	NS18-000002	Chiếc	34	566	19.153
107	LABEL; VT1000, IMEI LABEL FOR DONGLE	NS05-000001	Chiếc	22.203	12	266.436
108	USER MANUAL	NS19-000001	Chiếc	503	220	110.527
109	SPACER; VT1000, SPACER FOR GIFTBOX	NS18-000003	Chiếc	151	28	4.277
110	LABEL; LABEL FOR GIFTBOX	NS05-000002	Chiếc	11.239	12	134.868
111	LABEL; IMEI LABEL FOR CARTON	NS05-000004	Chiếc	212	168	35.493
112	ICT LABEL	NS05-000006	Chiếc	887	12	10.523
	Tổng cộng chưa thuế			351.106		18.316.175
	Thuế GTGT					1.831.618
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					20.147.793

VB

PHỤ LỤC 01.02

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL2/2024/HĐĐG ngày 08 tháng 11 năm 2024)

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	IC;BASEBAND PROCESSOR,SC6620,12x12x1.3MM	0600-000100	Chiếc	829	6.750	5.595.787
2	IC;MEMORY SPI FLASH 1.8V 64Mbit QPI 120MHZ VSOP-8,GD25LQ64BWIG	0600-000101	Chiếc	1.226	1.530	1.876.192
3	IC;AUDIO PA of CLASS AB SINGLE,AW8090ACOR,1.5x1.5mm WCSP	0600-000102	Chiếc	1.288	225	289.908
4	IC;FM IC,QN8035	0600-000103	Chiếc	4.038	450	1.818.183
5	IC;FM SIGNAL PA Built-in FM low-noise amplifier,AW5007,2.2x2.2x1mm	0600-000104	Chiếc	1.249	675	843.400
6	IC;RF PA of GSM,Dual-BAND GSM PA+ASM,VC5268,5.24x6.63x0.97mm	0600-000105	Chiếc	1.356	2.251	3.053.025
7	IC;RF- Transceiver,SR528	0600-000106	Chiếc	1.286	1.801	2.315.735
8	IC;RF FILTER(two-in-one) GSM Receiver,B39182-B9500-L310,1.8x1.4x0.68mm	0600-000107	Chiếc	1.242	360	447.258
9	CAP-CER,SMD;1.5pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000321	Chiếc	8.008	1	9.015
10	CAP-CER,SMD;1.8pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000322	Chiếc	6.563	1	7.388
11	CAP-CER,SMD;3.3pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000323	Chiếc	6.815	1	7.671
12	CAP-CER,SMD;4.7pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000324	Chiếc	9.108	1	10.253
13	CAP-CER,SMD;22pF,5%,0402,50V,C0G	0301-000325	Chiếc	5.255	1	5.915
14	CAP-CER,SMD;47pF,5%,0402,50V,C0G,zom	0301-000320-ZOM	Chiếc	8.132	1	9.154
15	CAP-CER,SMD;56pF,5%,0402,50V,C0G	0301-000326	Chiếc	9.086	1	10.229
16	CAP-CER,SMD; 100pF,5%,0402,50V,C0G	0301-000327	Chiếc	12.671	1	14.263
17	CAP-CER,SMD; 470pF,10%,0402,50V,X7R	0301-000328	Chiếc	9.062	1	10.202
18	CAP-CER,SMD;1nF, 10%,0402,50V,X7R	0301-000329	Chiếc	8.935	1	10.059
19	CAP-CER,SMD; 10pF,10%,0402,50V,X7R	0301-000330	Chiếc	8.351	1	9.401
20	CAP-CER,SMD; 22nF,10%,0402,16V,X7R	0301-000331	Chiếc	5.970	2	11.422
21	CAP-CER,SMD; 47nF,10%,0402,16V,X7R	0301-000332	Chiếc	6.030	19	115.374
22	CAP-CER,SMD; 100nF,10%,0402,16V,X5R	0301-000333	Chiếc	12.291	3	33.200
23	CAP-CER,SMD; 1uF,10%,0402,10V,X5R	0301-000334	Chiếc	17.835	3	60.218
24	CAP-CER,SMD; 2.2uF,10%,0603,6.3V,X5R	0301-000335	Chiếc	11.019	7	74.398
25	CAP-CER,SMD; 10uF,10%,0805,6.3V,X5R	0301-000336	Chiếc	5.325	18	95.870
26	RES-SMD;00HM,5%,0402,1/16W	0200-000545	Chiếc	18.249	1	12.386
27	RES-SMD;100HM,5%,0402,1/16W	0200-000546	Chiếc	8.945	1	6.042
28	RES-SMD;220HM,5%,0402,1/16W	0200-000547	Chiếc	8.925	1	6.028
29	RES-SMD;240HM,5%,0402,1/16W	0200-000548	Chiếc	108.900	1	73.565
30	RES-SMD;330HM,5%,0402,1/16W	0200-000549	Chiếc	5.933	1	4.006
31	RES-SMD;510HM,1%,0402,1/16W	0200-000550	Chiếc	8.285	1	5.596
32	RES-SMD;1KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000551	Chiếc	12.148	1	8.204
33	RES-SMD;1.5KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000552	Chiếc	7.511	1	5.073
34	RES-SMD;2KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000553	Chiếc	8.994	1	6.075
35	RES-SMD;6.2KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000554	Chiếc	9.022	1	10.157
36	RES-SMD;10KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000555	Chiếc	9.018	1	6.091
37	RES-SMD;15KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000556	Chiếc	9.021	1	6.093
38	RES-SMD;33KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000557	Chiếc	8.992	1	6.074
39	RES-SMD;47KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000558	Chiếc	7.980	1	5.390
40	RES-SMD;51KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000559	Chiếc	8.232	1	5.560
41	RES-SMD;75KOHM,1%,0402,1/16W	0200-000560	Chiếc	8.969	1	6.058
42	RES-SMD;100KOHM,1%,0402,1/16W	0200-000561	Chiếc	8.931	1	6.032
43	RES-SMD;0.360HM,1%,0805,1/8W	0200-000562	Chiếc	4.013	18	72.274
44	CRYSTAL;32.768KHz,20PPm,12.5pF,SSP-T7-F	1300-000038	Chiếc	1.268	248	313.933
45	CRYSTAL;26MHz,10PPm,9pF,3.3x2.6x0.8mm,XTL571100-S362-001	1300-000039	Chiếc	1.301	203	263.559
46	IND-SMD;2.4nH,±0.3nH,0402,300mA,0.20HM	2100-000176	Chiếc	8.938	5	40.247
47	IND-SMD;2.7nH,±0.3nH,0402,300mA,0.20HM	2100-000177	Chiếc	8.950	5	40.301
48	IND-SMD;6.2nH,±0.3nH,0402,300mA,0.30HM	2100-000178	Chiếc	9.093	5	40.944
49	IND-SMD;6.8nH,5%,0402,300mA,0.24OHM	2100-000179	Chiếc	9.077	5	40.872
50	IND-SMD;10nH,5%,0402,300mA,0.40HM	2100-000180	Chiếc	8.838	5	39.796
51	IND-SMD;22nH,5%,0402,300mA,0.60HM	2100-000181	Chiếc	9.045	5	40.727
52	IND-SMD;33nH,5%,0402,200mA,0.80HM	2100-000182	Chiếc	9.172	5	41.301
53	IND-SMD;47nH,5%,0402,200mA,1.10HM	2100-000183	Chiếc	8.475	5	38.161
54	IND-SMD;120nH,5%,0402,100mA,3.20HM	2100-000184	Chiếc	7.450	9	67.085
55	FB;1KOHM@100MHz,25%,200mA,0402	2900-000006	Chiếc	7.659	7	51.726
56	FB;470OHM@100MHz,25%,1500mA,0603	2900-000007	Chiếc	8.228	7	55.572
57	FB;2.5KOHM@100MHz,25%,200mA,0603	2900-000011	Chiếc	9.175	6	56.346
58	LED-SMD;3V,5mA,0603,BLUE	1100-000006	Chiếc	7.221	29	210.667

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
59	TRANS-BJT;NPN,50V,100mA,SOT-416,DTC123JETL	0501-000078	Chiếc	1.177	23	26.488
60	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOD-523,RB520S30	0404-000011	Chiếc	927	23	20.859
61	MOS-FET;P-Channel,20V,3.5A,2x2x0.8mm,BF9024SPD-MS	0505-000013	Chiếc	1.184	77	90.594
62	CAP-VR,SMD;15PF,18V,0402,AVL18S02015	0312-000001	Chiếc	10.655	6	59.953
63	ESD;75pF,3.3V,SOD-523,ESD5Z3V3-2/TR	2800-000001	Chiếc	1.112	34	37.541
64	IC;RF Test Socket 818000001	0600-000108	Chiếc	8.963	259	2.321.092
65	CONN-SMD;CONN T-Flash,13.3x13.3x1.6mm,WKTFH010-S05	1600-000094	Chiếc	1.503	129	194.579
66	CONN-SMD;CONN SIM,13.6x16.4x1.8mm,ALP-SIML615-18A	1600-000095	Chiếc	1.512	129	195.696
67	CONN-SMD;Earphone Jack,Φ3.5,12x6x4.2mm,ALP-JCK6-Q3510C	1600-000096	Chiếc	1.111	311	345.167
68	CONN-SMD;CONN BAT,3PIN,WKBAH013-B31	1600-000097	Chiếc	833	155	129.387
69	CONN-SMD;CONN MICRO USB,5PIN,WKUBI011-011	1600-000098	Chiếc	1.487	129	192.506
70	CONN-SMD; ANTENNA Spring; 3,5x1,5x3,5; 818000379	1600-000099	Chiếc	2.036	78	158.135
71	SHIELD CLIP;Shield Cover Clip,6.5x0.5x1.28,ECT818000149	NS03-000009	Chiếc	7.526	37	280.475
72	PCB ARRAY;V6206,SP01_MB_V2.3	NS16-000045	Chiếc	909	789	716.759
73	LABEL;IMEI Label V6206,33 * 15mm	NS05-000007	Chiếc	19.843	75	1.489.628
74	LABEL;Screw Label,2.5mm,Round	NS05-000011	Chiếc	19.811	75	1.487.220
75	SCREW;M1.4x4.0	2200-000013	Chiếc	18.478	12	229.655
76	CAMERA MODULE;V6206,0.08 Mega Pixels,SP0829	NS13-000001	Chiếc	983	1.410	1.386.220
77	LCD MODULE;V6206,1.77inch LCD QCIF(CBT glasses + ILI9163C)	NS01-000002	Chiếc	202	3.825	772.687
78	MOTOR;V6206,Vibrator Flat Type 1027,Wire L=15mm	NS12-000001	Chiếc	1.383	795	1.099.943
79	MIC MODULE;V6206,0415,BOOT 0.5,Wire L=10mm	NS08-000001	Chiếc	1.281	203	260.327
80	SPEAKER MODULE;V6206,2618 Track Type,Wire L=30mm	NS11-000001	Chiếc	1.467	777	1.139.445
81	LED-DIP;V6206,φ3.0x6, L-Preforming	1101-000001	Chiếc	359	44	15.855
82	DOME SHEET;V6206	NS14-000001	Chiếc	1.048	389	407.443
83	SPONGE;V6206,Gasket-SPK on PCB,Poron,Black	NS24-000002	Chiếc	1.752	51	88.684
84	LABEL;V6206 Waterproof Label φ 3	NS05-000014	Chiếc	20.552	2	30.873
85	TAPE;Insulated Tape Receiver V6206	NS04-000001	Chiếc	1.766	5	8.939
86	SHIELD CAN;SP01 RF,V6206	NS03-000007	Chiếc	385	124	47.621
87	SHIELD CAN;SP01 BB,V6206	NS03-000008	Chiếc	243	147	35.811
88	RECEIVER MODULE;V6206,1506, Spring Type	NS09-000001	Chiếc	3.433	447	1.535.074
89	WINDOW;V6206 Main Window	NS15-000001	Chiếc	885	461	408.158
90	FRONT;V6206,BLACK	NS10-000001	Chiếc	292	791	230.943
91	KEYPAD ASSY;V6206,RED	NS10-000002	Chiếc	433	1.016	439.761
92	KEYPAD ASSY;V6206,YELLOW	NS10-000005	Chiếc	220	1.018	223.919
93	WINDOW;V6206 Camera Window	NS15-000002	Chiếc	909	75	68.246
94	ANTENNA;V6206,Ant GSM,FPC	NS26-000003	Chiếc	1.286	389	499.952
95	REAR;V6206,RED	NS10-000003	Chiếc	377	745	280.779
96	REAR;V6206,YELLOW	NS10-000006	Chiếc	703	746	524.717
97	VINYL BAG;V6206 Handset PE Bag	NS17-000001	Chiếc	1.031	0,05	53
98	CHARGER;V6206 CHARGER 3V	NS35-000001	Chiếc	1.167	1.310	1.529.267
99	CABLE;DATA CABLE,5 PIN MICRO USB	NS39-000001	Chiếc	1.624	471	764.159
100	EARPHONE;φ3.5 Earphone-common,L=100cm	NS36-000001	Chiếc	1.689	858	1.448.432
101	BATTERY;V6206,BL-4U,62x38x4.5,900mAh	NS37-000001	Chiếc	197	3.373	664.498
102	GIFTBOX;HANDSET 2G V6206,YELLOW COLOR	NS18-000026	Chiếc	32	182	5.833
103	USER MANUAL;V6206,8*10mm,Vietnamese	NS19-000002	Chiếc	1.082	193	208.503
104	WARRANTY CARD;VietNam,55*90mm	NS38-000001	Chiếc	1.843	190	350.348
105	LABEL;Label for Giftbox V6206,70*30mm	NS05-000008	Chiếc	15.843	75	1.189.340
106	LABEL;ICT Label for V6206,45*23mm	NS05-000009	Chiếc	14.788	75	1.110.140
107	BATTERY COVER;V6206,BLACK	NS10-000004	Chiếc	1.072	674	722.463
108	CARTON BOX;V6206,44.5*34.5*26.5mm	NS18-000024	Chiếc	156	182	28.344
109	LABEL;Label for Carton Box V6206,29*21cm	NS05-000013	Chiếc	997	75	74.802
110	BAG;Anti-wet Poly Bag for Carton Box	NS17-000003	Chiếc	997	0,05	52
111	SPACER;Spacer for Carton Box V6206	NS18-000025	Chiếc	591	5	3.142
	TỔNG CỘNG			721.063		43.905.968
	Thuế GTGT					4.390.597
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					48.296.564

PHỤ LỤC 01.03

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL2/2024/HĐĐG ngày 08 tháng 11 năm 2024)

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	IC;RF FILTER(two-in-one) GSM Receiver,B39182-B9500-L310,1.8x1.4x0.68mm	B39182-B9500-L310	Chiếc	6.000	328	1.968.867
2	CRYSTAL;32.768KHz,20PPm,12.5pF,SSP-T7-F	SSP-T7-F	Chiếc	6.000	228	1.367.269
3	CONN-SMD;CONN T-Flash,13.3x13.3x1.6mm,WKTFH010-S05	WKTFH010-S05	Chiếc	800	115	92.253
4	CONN-SMD;CONN BAT,3PIN,WKBAH013-B31	WKBAH013-B31	Chiếc	600	113	67.617
5	CONN-SMD;CONN MICRO USB,5PIN,WKUBI011-011	WKUBI011-011	Chiếc	8.000	109	870.110
6	CHARGER;V6303 CHARGER 3V	ZTP0L3620200	Chiếc	316	1.322	417.655
7	CABLE;DATA CABLE,5 PIN MICRO USB	ZTP0L3620300	Chiếc	316	526	166.351
8	EARPHONE;ø3.5 Earphone-common,L=100cm	ZTP0L3620400	Chiếc	316	603	190.481
9	BATTERY;V6303,BL-4U,62x38x4.5,900mAh	ZTP0L3620100	Chiếc	316	3.446	1.088.898
10	WINDOW;V6303 Main Window	N/A	Chiếc	600	383	229.716
11	WINDOW;V6303 Camera Window	N/A	Chiếc	600	90	54.043
	TỔNG CỘNG			23.864		6.513.260
	Thuế GTGT					651.326
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					7.164.586

PHỤ LỤC 01.04

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL2/2024/HĐĐG ngày 08 tháng 11 năm 2024)

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4.1	Vật tư, linh kiện			433.227		208.191.327
1	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,0dB	GJ-H-0dB	Chiếc	20	931	18.626
2	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,1dB	GJ-H-1dB	Chiếc	10	884	8.844
3	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,2dB	GJ-H-2dB	Chiếc	10	884	8.844
4	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,3dB	GJ-H-3dB	Chiếc	10	884	8.844
5	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,4dB	GJ-H-4dB	Chiếc	10	884	8.844
6	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,5dB	GJ-H-5dB	Chiếc	10	884	8.844
7	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,6dB	GJ-H-6dB	Chiếc	10	884	8.844
8	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,7dB	GJ-H-7dB	Chiếc	10	884	8.844
9	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,8dB	GJ-H-8dB	Chiếc	10	884	8.844
10	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,9dB	GJ-H-9dB	Chiếc	9	884	7.960
11	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,10dB	GJ-H-10dB	Chiếc	10	884	8.844
12	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,11dB	GJ-H-11dB	Chiếc	10	884	8.844
13	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,12dB	GJ-H-12dB	Chiếc	10	884	8.844
14	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,13dB	GJ-H-13dB	Chiếc	10	884	8.844
15	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,14dB	GJ-H-14dB	Chiếc	9	884	7.960
16	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,15dB	GJ-H-15dB	Chiếc	10	884	8.844
17	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,0dB	GJ-M-0dB	Chiếc	10	923	9.233
18	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,1dB	GJ-M-1dB	Chiếc	10	863	8.627
19	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,2dB	GJ-M-2dB	Chiếc	10	863	8.627
20	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,3dB	GJ-M-3dB	Chiếc	10	863	8.627
21	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,4dB	GJ-M-4dB	Chiếc	10	863	8.627
22	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,5dB	GJ-M-5dB	Chiếc	10	863	8.627
23	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,6dB	GJ-M-6dB	Chiếc	10	863	8.627
24	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,7dB	GJ-M-7dB	Chiếc	10	863	8.627
25	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,8dB	GJ-M-8dB	Chiếc	10	863	8.627
26	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,9dB	GJ-M-9dB	Chiếc	10	863	8.627
27	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,10dB	GJ-M-10dB	Chiếc	10	863	8.627
28	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,11dB	GJ-M-11dB	Chiếc	9	863	7.764
29	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,12dB	GJ-M-12dB	Chiếc	10	863	8.627
30	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,13dB	GJ-M-13dB	Chiếc	10	863	8.627
31	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,14dB	GJ-M-14dB	Chiếc	9	863	7.764
32	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,15dB	GJ-M-15dB	Chiếc	10	863	8.627
33	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,16dB	GJ-M-16dB	Chiếc	10	863	8.627
34	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,17dB	GJ-M-17dB	Chiếc	10	863	8.627
35	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,18dB	GJ-M-18dB	Chiếc	10	863	8.627
36	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,19dB	GJ-M-19dB	Chiếc	9	863	7.764
37	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,20dB	GJ-M-20dB	Chiếc	10	863	8.627
38	CONN-DIP;PLUG, 8X14.5MMX3PINS	GK-5	Chiếc	18	454	8.165
39	CONN-DIP;Solderable, 7pin,female-small	SHMC-5	Chiếc	5	1.286	6.432
40	CONN-DIP;TESTSEAT, 7X7MMX4PINS	JX-2	Chiếc	30	499	14.982
41	CONN-DIP;TESTPOINT, 10X10MMX5PINS	FL10ZY7	Chiếc	18	940	16.915
42	CONN-DIP;Solderable, 1pin,female-small	CK-OA	Chiếc	116	170	19.669
43	FUSE-HAND;250V,10A	BX-07	Chiếc	28	237	6.641
44	FILTER;Duplex,36X12MMX7PINS,65/87MHZ	DPX-63	Chiếc	20	6.014	120.273
45	BUSHING;CLOSED, 11.43MMx6.60MMx6.50MM,Nylon,Black	SL-06	Chiếc	30	139	4.167
46	BOX;XD39,246X194X108MM	XD-39	Chiếc	10	69.530	695.296
47	CRIMP-RING-TERMINAL; 7MMX20MMX4MM,3.2MM-Hole,brass	SHMP-1	Chiếc	50	1.449	72.436
48	PCB ARRAY;VT-CATV REV03A,2lớp,210x130x 1.6mm, FR4,mạ thiếc,chữ trắng,phủ xanh	VT_CATV_REV03A	Chiếc	15	7.131	106.963
49	PCB ARRAY;VT-CATV-POWER-REV03B,2lớp, 120x65x1.6mm,FR4,mạ thiếc, chữ trắng,phủ xanh	VT-CATV-POWER-REV03B	Chiếc	15	3.842	57.631
50	CAP-CER,DIP;2200PF,-20%TO+80%,RADIAL,2KV,F	DEBF33D222ZA2B	Chiếc	40	460	18.408
51	CAP-ALUM,DIP;100UF,20%,RADIAL,50V,-	ECA-1HM101	Chiếc	20	499	9.971

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
52	CAP-CER,DIP;0.1UF,10%,RADIAL,250V,-	FK26X7R2E104K	Chiếc	30	477	14.321
53	CAP-CER,DIP;10000PF,5%,RADIAL,1KV	C322C103JDR5TA	Chiếc	46	1.666	76.626
54	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0603,25V	TMK107SD472JA-T	Chiếc	70	520	36.432
55	CAP-CER,SMD;0.8PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R8BAT2A	Chiếc	260	702	182.604
56	CAP-CER,SMD;1PF,0.1pF0603,50V,NP0	ML03511R0BAT2A	Chiếc	570	639	364.312
57	CAP-CER,SMD;1.6PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R6BAT2A	Chiếc	570	661	376.747
58	CAP-CER,SMD;2.2PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03512R2BAT2A	Chiếc	260	722	187.602
59	CAP-CER,SMD;3.3PF,0.25pF,0603,100V,NP0	C1608NP02A3R3C080AA	Chiếc	260	136	35.297
60	CAP-CER,SMD;4.7PF,0.25pF,0603,100V,NP0	CGA3E2NP02A4R7C080AA	Chiếc	60	148	8.897
61	CAP-CER,SMD;5.6PF,0.25pF,0603,100V,NP0	GQM1885C2A5R6CB01D	Chiếc	260	647	168.283
62	CAP-CER,SMD;6.8PF,0.25pF,0603,100V,NP0	GQM1885C2A6R8CB01D	Chiếc	260	669	174.040
63	CAP-CER,SMD;10PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H100JB01D	Chiếc	260	729	189.568
64	CAP-CER,SMD;15PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H150JB01D	Chiếc	570	846	482.323
65	CAP-CER,SMD;22PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H220JB01D	Chiếc	260	925	240.589
66	CAP-CER,SMD;33PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H330JB01D	Chiếc	260	928	241.320
67	CAP-CER,DIP;470pF,5%,Radial,1KV	DEA1X3A471JN2A	Chiếc	40	568	22.710
68	CAP-FILM,DIP;0.22uF,5%,Radial,250V	B32522C3224J	Chiếc	20	1.629	32.571
69	CAP-FILM,DIP;10000pF,10%,Radial,400V	B32520C6103K	Chiếc	15	674	10.104
70	CAP-ALUM,DIP;680uF,20%,10Mx25Mx30M,200V,293mOHM	EET-HC2D681CA	Chiếc	15	7.387	110.800
71	CAP-ALUM,DIP;1000uF,20%,5Mx12M5x22M,35V	ECA-1VM102	Chiếc	30	1.266	37.986
72	CAP-FILM,DIP;0.1uF,10%,Radial,63V	B32529C104K	Chiếc	50	257	12.874
73	CAP-FILM,DIP;1000pF,10%,Radial,63V	B32529C102K	Chiếc	20	425	8.502
74	CAP-FILM,DIP;2200pF,10%,Radial,100V	B32529C1222K	Chiếc	20	417	8.338
75	CONN-TIN;HEADER,10POS,4.2MM	39293106	Chiếc	15	3.906	58.592
76	CONN-DIP;PLUG,M,10PIN,300V,DIP	39-01-2100	Chiếc	14	1.252	17.530
77	CONN-TERM;FEMALE,CRIMP,22-28AWG	39000215	Chiếc	30	623	18.675
78	TVS-DIODE;UNI,600W,27V,AXL	P6KE27A	Chiếc	29	983	28.511
79	DIODE-BRIDGE;800V,6A,GBU	GBU6K-BP	Chiếc	15	1.880	28.198
80	DIODE-SCHOTTKY;200V,10A,TO-220	MBR20200CTTU	Chiếc	15	3.010	45.151
81	DIODE-SWITCHING;400V,1A,DO-41	1N4936-T	Chiếc	48	328	15.723
82	DIODE-ZENER;15V,500mW,DO35	1N5245B-T	Chiếc	20	467	9.340
83	DIODE-SWITCHING;75V,0.15A,DO35	1N4148-T	Chiếc	20	213	4.255
84	DIODE-ZENER;24V,500mW,DO35	1N5252B-T	Chiếc	20	465	9.294
85	FUSE-HOLDER,W=22.5mm5X20PcMnt	65600001009	Chiếc	30	2.115	63.449
86	FUSE;CERM,10A,250V,5X20-T-LAG	0001.2514	Chiếc	30	1.280	38.394
87	FUSE;FAST,5A,250V,5Mx20M	0217005.HXP	Chiếc	15	875	13.130
88	FUSE-CLIP,5Mx20M,250V,10A,THRUHOLD	52000001009	Chiếc	49	414	20.305
89	IC; PushPullPreAmplifier,CGY1043,SOT115	CGY1043,112	Chiếc	10	105.564	1.055.642
90	IC;PowerDoublerAmplifier,CGD1044HI,SOT-115J,1GHZ	CGD1044HI,112	Chiếc	10	110.276	1.102.762
91	IC;CURRENT-MODE-PWM-CONTROLLER,UC3843,8-DIP,MAX FREQ-275KHZ	UC3843BNG	Chiếc	15	2.673	40.098
92	IC;VREF,2.5V,TO-92-3	TL431CLPM	Chiếc	15	1.329	19.942
93	IND-DIP;100uH,10%,RADIAL,0.91A,0.28Ohm	RL622-101K-RC	Chiếc	20	1.326	26.527
94	IND-DIP;140nH,20%,10X7X15MM,10A,20mOHM	TCSLA5X15-140nH	Chiếc	330	678	223.855
95	IND-DIP;22uH,10%,9X12.2mm,2.4A,70mOHM	6000-220K-RC	Chiếc	15	1.348	20.224

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
96	IND-DIP;9.0uH,20%,30X10X15MM,8A,18mOHM	CR6030-106005-5NR-9.0uH	Chiếc	60	3.222	193.337
97	IND-DIP;15uH,20%,37X8X15MM,10A,30mOHM	TCSLA8X37-15uH	Chiếc	330	7.934	2.618.221
98	RES-SMD;75OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ750V	Chiếc	30	20	606
99	RES-SMD;8.2OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ8R2V	Chiếc	100	10	983
100	RES-SMD;1300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ132V	Chiếc	70	15	1.036
101	RES-SMD;0.0OHM,jump,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Chiếc	100	10	1.015
102	RES-SMD;150OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ151V	Chiếc	160	12	1.987
103	RES-SMD;330OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ331V	Chiếc	570	15	8.372
104	RES-SMD;4.7OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ4R7V	Chiếc	1.100	10	10.811
105	RES-SMD;100OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ100V	Chiếc	570	15	8.742
106	RES-SMD;120OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ120V	Chiếc	1.100	10	11.167
107	RES-SMD;150OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ150V	Chiếc	570	15	8.434
108	RES-SMD;200OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ200V	Chiếc	1.100	10	10.811
109	RES-SMD;300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Chiếc	570	15	8.434
110	RES-SMD;120OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ121V	Chiếc	570	15	8.742
111	RES-SMD;160OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ161V	Chiếc	570	15	8.618
112	RES-SMD;180OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ181V	Chiếc	482	15	7.132
113	RES-SMD;200OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ201V	Chiếc	500	15	7.344
114	RES-SMD;360OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ361V	Chiếc	466	15	7.147
115	RES-SMD;470OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ471V	Chiếc	497	15	7.515
116	RES-SMD;680OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ681V	Chiếc	570	15	8.434
117	RES-DIP;220OHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-22R	Chiếc	100	45	4.514
118	RES-DIP;18KOHM,0.1%,Axial,1/4W	MFP-25BRD52-18K	Chiếc	50	671	33.534
119	RES-DIP;15KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-15K	Chiếc	50	59	2.932
120	RES-DIP;2.2KOHM,5%,Axial,1/2W	CFR-50JB-52-2K2	Chiếc	20	101	2.013
121	RES-DIP;3.9KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-3K9	Chiếc	50	57	2.846
122	RES-DIP;10KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-10K	Chiếc	20	74	1.484
123	RES-DIP;680KOHM,5%,Axial,1/4W	HHV-25JR-52-680K	Chiếc	20	445	8.908
124	RES-DIP;1KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-1K	Chiếc	20	77	1.538
125	RES-DIP;12KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-12K	Chiếc	20	76	1.525
126	RES-DIP;0.150OHM,5%,Axial,1W	KNP100JR-73-0R15	Chiếc	20	471	9.413
127	RES-DIP;560OHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-560R	Chiếc	20	74	1.484
128	RES-DIP;2.2KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-2K2	Chiếc	50	57	2.840
129	CHOKE;COMM-MODE;3.3mH,1.2A	EV20-1.2-02-3M3	Chiếc	15	3.327	49.911
130	RF-POWER-DIVIDER;SPA-1002-27H,2 ways	SPA-1002-27H	Chiếc	10	9.880	98.805
131	EQUALIZER-EQG;Zinwell-Fixed	EQG	Chiếc	20	11.566	231.323
132	FB;50OHM@100MHZ,7A,3M5x5M,Axial	EXC-ELSA35	Chiếc	20	327	6.545
133	FB;68OHM@100MHZ,4Mx10M,Tube	74270014	Chiếc	50	1.555	77.755
134	FB;TOROID,5Mx7M5x12M5	B64290L0044X830	Chiếc	15	629	9.433
135	GAS-TUBE;6MM,150V,20%,5KA,AXIAL	GTCA26-151M-R05-FS	Chiếc	330	1.681	554.630
136	GAS-TUBE;6MM,145V,30%,10KA,AXIAL	2045-14-BLF	Chiếc	28	1.407	39.409
137	SILICON-THERMAL-GREASE;30CC,White,4W/mK,-40-180oC	A16241-03	Lọ	2	81.073	162.145
138	HEATSINK;USED_FOR_TO-220,14.5X9.5X22MM,Aluminium,1.5W	BK-T220-0032-06	Chiếc	15	1.825	27.373
139	RES-SPECIAL;THERMISTOR-NTC,2.5OHM @ 25°C,5.0A,Axial	MF72-002.5D11	Chiếc	14	868	12.149
140	LED-SMD,2V,20mA,0805,RED	APT2012EC	Chiếc	50	261	13.030
141	LED-DIP;ROUND,2.2V,20mA,3Mx5M5,RED	LN28RPX	Chiếc	15	770	11.551

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
142	MOS-FET;N-Channel,200V,18A,TO-220AB	IRF640NPBF	Chiếc	15	3.242	48.636
143	OPTOCOUPLER;5kV-ISO,4-DIP	PC817X1NSZ0F	Chiếc	15	838	12.568
144	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB	CPK-1001-720H	Chiếc	20	8.941	178.811
145	TRANSFORMER;EE35,FLYBACK,PRIMARY INDUCTANCE 75uH@100KHZ,2A,18:18:9	VT0154K-V	Chiếc	10	20.353	203.530
146	VARISTOR-DIP;14MM,220V,4500A,ZNR	ERZ-V14D221	Chiếc	330	886	292.319
147	MOV-VARISTOR;180VDC,115VAC,4.5kA,55J,DISC14MM	MOV-14D181K	Chiếc	15	464	6.961
148	ENAMELED-COPPER-ELECTRIC-WIRE;D-0.35MM,POLYESTER	-	Kg	1	28.579	28.579
149	ENAMELED-COPPER-ELECTRIC-WIRE;D-0.6MM,POLYESTER	-	Kg	1	28.035	28.035
150	ELECTRICAL-WIRE;Copper,1.0MM,5A,Red	-	Mét	15	1.172	17.575
151	ELECTRICAL-WIRE;Copper,1.0MM,5A,Green	-	Mét	15	1.212	18.176
152	ELECTRICAL-WIRE;Copper,1.0MM,5A,Black	-	Mét	15	1.200	18.005
153	PLASTIC-SPIRAL-WRAP;twist,width-10mm,white	-	Chiếc	15	1.402	21.026
154	SCREW-SPRING-WASHER;M3-Thread,20mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-Zinc-Plated	-	Chiếc	50	352	17.599
155	SCREW-HEADLESS;M4-Thread,5mm,Steel SCM435,HEX,Blackening	-	Chiếc	44	282	12.422
156	SCREW;M4-Thread,10mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-zinc-plated	-	Chiếc	50	256	12.776
157	SCREW-SPRING-WASHER;M3-Thread,8mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-Zinc-Plated	-	Chiếc	220	253	55.693
158	SCREW;M3-Thread,6mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-zinc-plated	-	Chiếc	194	248	48.148
159	SCREW- FLAT HEAD;M3-Thread,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-zinc-plated	-	Chiếc	50	176	8.797
160	PowerShield;128X88X40MM±5MM	PowerShield	Chiếc	10	29.293	292.934
161	RFSshield;215X135MM±5MM	RFSshield	Chiếc	10	15.868	158.681
162	STANDOFF;M3-Thread,27mm-BBH,Brass-3604,HEX,Clean	-	Chiếc	110	1.448	159.323
163	USER-GUIDE;A5,20PAGE,Black-White	-	Quyển	9	2.841	25.568
164	Thùng carton lớn cho CATV - Kích thước: 615x350x490(mm) - In 01 mẫu 01 mặt - Bồi cattong sóng C, 3 lớp - Gia công thành phẩm	-	Bộ	2	17.280	34.560
165	CONN-DIP;PLUG,M,10POS, DUAL	39-01-2100	Cái	1	4.340	4.340
166	CONN-30GOLD;TERM,FEMALE,22-28AWG	39-00-0183	Cái	1	3.544	3.544
167	DIODE-SURGE ABSORBER; 150V,5KA,6MM AXIAL,20%	GTCA26-151M-R05-FS	Cái	1	3.680	3.680
168	CAP-CER,DIP; 3300PF,10%, RADIAL,2KV, X7R	DEBE33D472ZA2B	Cái	4	1.433	5.733
169	CAP-CER,DIP; 0.1uF,5%, RADIAL,100V,X7R	RPEF51H104Z2K1A03B	Cái	2	588	1.175
170	CAP-FILM,DIP; 0.1uF,10%, RADIAL, 400V	B32521C6104K	Cái	1	3.235	3.235
171	CAP-ALUM,DIP;100uF,20%,RADIAL 50V,9mOHM	ECE-A1HN101U	Cái	6	3.666	21.998
172	CAP-CER,SMD; 1nF,10%,0603, 50V,NP0	UMK107SD102KA-T	Cái	2	2.202	4.403
173	CAP-CER,DIP; 1nF,10%,RADIAL,2KV,X7R	DEBB33D102KA2B	Cái	1	1.976	1.976
174	CAP-MLO,SMD; 2.3pF,5%,0603, 50V,NP0	ML03512R3BAT2A	Cái	2	2.694	5.389
175	CAP-CER,SMD; 10PF,5%,0603, 50V,NP0	GQM1885C1H100JB01D	Cái	2	1.933	3.865
176	CAP-CER,SMD; 1.2PF,5%,0603, 100V,NP0	GQM1885C2A1R2B01D	Cái	2	2.066	4.132
177	CAP-CER,SMD; 8.2pF,5%,0603, 50V,NP0	GQM1885C1H8R2C01D	Cái	2	1.933	3.865
178	CAP-CER,SMD; 24PF,5%,0603, 250V,NP0	251R14S240JV4T	Cái	2	1.976	3.951
179	CAP-CER,SMD; 30PF,5%,0603, 250V,NP0	251R14S300JV4T	Cái	2	1.976	3.951
180	TVS-DIODE; UNI,400W, 45V,5%,SMA	SMAJ45A	Cái	2	2.548	5.095
181	IND-DIP;100uH, 10%,RADIAL, 2A,90mOHM	RL622-101K-RC	Cái	1	3.280	3.280
182	DIODE-SUR ABSORBER; 150V,4500A, 14MM,ZNR	ERZ-V14D151	Cái	1	4.076	4.076
183	RES-SMD; 180OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ181V	Cái	2	90	181

STT	Chi tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
184	RES-SMD; 390OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ391V	Cái	4	90	362
185	RES-SMD; 0.0OHM,0603, 1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	2	90	181
186	RES-SMD; 240OHM,0603, 5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ241V	Cái	2	90	181
187	RES-SPECIAL; 10KOHM,5%, 1/8W,CARBON FILM	CF18JT10K0	Cái	2	405	809
188	RES-SMD; 270OHM,0603, 5%,1/10W	ERJ-3GEYJ270V	Cái	2	90	181
189	RES-SMD; 470OHM,0603, 5%,1/10W	ERJ-3GEYJ471V	Cái	2	90	181
190	RES-SMD;300 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ301V	Cái	2	90	181
191	RES-SMD;220 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ221V	Cái	2	90	181
192	RES-SMD;51 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ510V	Cái	2	90	181
193	RES-SMD;680 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ681V	Cái	2	90	181
194	RES-SMD; 560 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ561V	Cái	1	90	90
195	RES-SMD; 30 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Cái	2	90	181
196	IC;AMP PWR, DBLR,SOT-115J,870MHZ, -25TO+85C	CGD942C	Cái	1	423.896	423.896
197	IC;AMP PWR, LNA,SOT115, 87TO1000MHZ,-25TO+85C	CGY1043,112	Cái	1	426.681	426.681
198	IC;AMP PWR, REVERSE,SOT115J, 5TO65MHZ, -25TO+85C	BGY68,112	Cái	1	211.500	211.500
199	SIGNAL SWITCH; DIODESWITCHDUAL,7V, SOT23	MMBD352LT1G	Cái	1	2.516	2.516
200	ADAPTER;F MALE/F FEMALE,75 OHM	6801	Cái	8	5.981	47.846
201	ADAPTER;F FEMALE/F FEMALE,75 OHM	25-7200	Cái	5	1.036	5.182
202	ADAPTER;F MALE/F MALE,75 OHM	222156	Cái	8	9.886	79.090
203	TERMINATOR;F MALE75 OHM	222154	Cái	2	6.856	13.712
204	DIPLEXER;FILTER,5 MHZ,1000 MHZ	MAFL-007988-CD0550	Cái	2	72.576	145.152
205	CONN-DIP;PLUG,8X14.5MMX3PINS	GK-5	Cái	7	732	5.125
206	TRANSFORMER;PowerDivider,-20dB	OTM-4/4	Cái	17	13.915	236.547
207	CONN-DIP;TESTSEAT,7X7MMX4PINS	JX-2	Cái	5	732	3.661
208	EQUALIZER-EQG;Zinwell-Fixed	EQG	Cái	6	17.531	105.187
209	CONN-DIP;Solderable,1pin,male	WZ-2	Cái	114	121	13.765
210	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-big	CK-1	Cái	532	182	96.986
211	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-small	CK-OA	Cái	25	121	3.019
212	FILTER;Duplex,30X30MMX20PINS,65/87MHZ	MAFLCT0027	Cái	14	20.652	289.131
213	FILTER;Duplex,30X15MMX10PINS,65/87MHZ	C6171NL	Cái	31	16.208	502.461
214	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20 dB,macom	MACP-009944-CK07F0	Cái	5	12.021	60.107
215	TRANSFORMER;PowerDivider-MAPDCT0029	MAPDCT0029	Cái	5	11.405	57.025
216	ATTENUATOR;3PINS	GJ-M	Cái	125	2.055	256.865
217	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB,clider	FCRID-743-0505T	Cái	40	5.934	237.345
218	EQUALIZER-9VEQ;Qianjin-Fixed	9VEQ	Cái	42	15.412	647.305
219	EQUALIZER-JH-2C;Qianjin-Fixed	JH-2C	Cái	46	12.458	573.069
220	IND-DIP;0.9uH,20%,30X10X15MM,8A,18mOHM	CR6030-106005-5NR-9.0uH	Cái	5	2.363	11.816
221	IND-DIP;30nH,20%,10X5X5XMM,1A,20mOHM	FCRH3060-4T	Cái	3	2.363	7.089
222	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0603,25V,X7R	TMK107SD472JA-T	Cái	7	775	5.422
223	CAP-CER,DIP;10000PF,5%,RADIAL,1KV,X7R	C322C103JDR5TA	Cái	14	2.061	28.853
224	CAP-CER,SMD;0.6PF,0.05pF,0603,250V,NP0	251R14S0R6AV4T	Cái	16	573	9.169
225	CAP-CER,SMD;1.6PF,0.1pF,0603,200V,NP0	06032U1R6BAT2A	Cái	76	401	30.485
226	CAP,SMD;2.3PF,0.1pF,0603,50V,A	ML03512R3BAT2A	Cái	76	792	60.214
227	CAP-CER,SMD;3.9PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S3R9BV4T	Cái	26	413	10.738
228	IND-SMD;3.3nH,0.3nH,0805,600mA,130Ohm	AJMC-0805-3N3S-T	Cái	169	146	24.713
229	IND-SMD;6.8nH,5%,0805,400mA,250Ohm	AJMC-0805-6N8J-T	Cái	169	146	24.713
230	IND-SMD;8.2nH,5%,0805,600mA,190Ohm	AISC-0805-R0082J-T	Cái	59	559	32.988
231	IND-SMD;12nH,5%,0805,300mA,350Ohm	AJMC-0805-12NJ-T	Cái	138	146	20.180

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
232	IND-SMD;270nH,5%,0805,350mA,10hm	LQW2BASR27J00L	Cái	169	903	152.605
233	IND-SMD;390nH,5%,0805,290mA,1.50hm	LQW2BASR39J00L	Cái	169	903	152.605
234	IND-SMD;15nH,5%,0603,350mA,340Ohm	ELJ-QE15NJFA	Cái	50	696	34.776
235	IND-SMD;18nH,2%,0603,320mA,410Ohm	ELJ-QE18NGFA	Cái	46	879	40.444
236	CAP-ALUM,DIP; 10UF,20%,RADIAL,50V,-55TO105degreeC	EEA-GA1H100	Cái	50	397	19.861
237	IND-DIP;100uH,10%,RADIAL,0.91A,0.28Ohm	RL622-101K-RC	Cái	8	1.452	11.619
238	RES-SMD;20OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ200V	Cái	26	26	668
239	RES-SMD;0.00OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	68	16	1.072
240	RES-SMD;30OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Cái	40	26	1.028
241	RES-SMD; 560OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ561V	Cái	50	26	1.285
242	RES-SMD;75OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ750V	Cái	8	26	206
243	RES-SMD;15OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ150V	Cái	38	20	751
244	RES-SMD;47OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ470V	Cái	22	26	565
245	RES-SMD;270OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ271V	Cái	26	26	668
246	RES-SMD;12KOHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ123V	Cái	4	26	103
247	RES-SMD;24.0OHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3KEF24R0V	Cái	49	40	1.937
248	LED-DIP;2.2V,20mA,RADIAL,GREEN	MV54643	Cái	49	895	43.860
249	TVS-DIODE;UNI,600W,27V,DJR	P6KE27A	Cái	26	1.514	39.351
250	CONN-GOLD;HEADER,10POS,4.2MM	39-29-6108	Cái	14	11.129	155.800
251	CONN-30GOLD;TERM,FEMALE,22-28AWG	39-00-0183	Cái	126	1.561	196.690
252	GAS-TUBE;6MM,150V,20%,5KA,AXIAL	GTCA26-151M-R05-FS	Cái	5	2.170	10.848
253	SHIELD-RF;0.5X0.5X0.25	0.5 X 0.5 X 0.25	Cái	25	4.108	102.700
254	CAP-CER,SMD;10000PF,10%,0805,50V,X7R	C2012X7R1H103K	Cái	4	458	1.833
255	CAP-CER,SMD;10UF,-20%TO+80%,1210,50V,Y5V	C3225Y5V1H106Z	Cái	2	1.445	2.889
256	DIODE;90V,215mA,SOT23,Standard	BAW56,215	Cái	14	314	4.398
257	DIODE-ZENER;3.3V,225MW,SOT-23,3pins	MMBZ5226BLT1G	Cái	12	403	4.838
258	IND-DIP;10mH,-30%to+50%,4PCpin,2.3A,188mOhm	B82733F2232B001	Cái	2	6.044	12.089
259	RES-SMD;1.00KOHM,1%,1206,1/4W	MCR18ERTF1001	Cái	8	247	1.976
260	IC;ControlPhotovoltaicOutput,LVT-816S,4pinSMD,1CH	LTV-816S	Cái	12	1.672	20.059
261	IC;VREF2.5V,ZTL432AFTA,SOT-23-3,3pins	ZTL432AFTA	Cái	12	1.628	19.536
262	FILTER-SMD;DiplexerFilter,20X30MMX20PINS,65/87MHZ	DPX65/88MSA	Cái	30	37.256	1.117.690
263	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB	DBTC-20-4-75+	Cái	45	5.698	256.409
264	TRANSFORMER;PowerDivider-TCP-2-10-75	TCP-2-10-75	Cái	15	5.815	87.221
265	Bộ cấp nguồn Voltage Withstanding DC 100V (max), Current Passing DC 1 A (max), 2GHZ	PII-123	Cái	2	111.610	223.220
266	Terminator; 50 Ohm, Type SMA, Male, 18Ghz, Gold	4286	Cái	4	195.497	781.988
267	CONN;50 Ohm Type N Female / N Female, DC - 12.4Ghz	172123	Cái	2	41.407	82.815
268	CONN;50 Ohm Type SMA Male / SMA Male, DC - 18Ghz	1053488-1	Cái	4	77.464	309.856
269	CONN;50 Ohm Type SMA Female / SMA Female, DC - 18Ghz	1053634-1	Cái	4	99.146	396.584
270	CONN;PLUG,M,SMA, SHORTING	5088	Cái	2	85.530	171.060
271	CONN;50 Ohm Type N Male /SMA Male, DC - 15Ghz	1057381-1	Cái	2	308.259	616.518
272	CONN;50 Ohm Type N Male/ SMA Female, DC - 15Ghz	1057377-1	Cái	2	250.560	501.120
273	CONN;JACK,N FLANGE-MNT 4 HOLE	172119	Cái	4	24.557	98.228
274	IMPEDANCE CONVERTER; PADS Type SMA (50)/Type F (75), DC - 3 GHz, 50/75, Type SMA Female / Type F Male, Loss 6dB	IC1-362415-02	Cái	2	325.732	651.464
275	Cáp cao tần F male (75 Ohm) to F male (75 Ohm), Length: 60cm, Type cable: RG179 or RG59, Freq >2GHZ	CC-706001-FM/FM	Cái	1	246.767	246.767

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
276	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0603,50V,X5R	C1608X5R1H105K080AB	Cái	12	205	2.457
277	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0603,25V,X7R	TMK107SD472JA-T	Cái	6	877	5.264
278	CAP-CER,DIP;0.1UF,10%,RADIAL,250V,X7R	FK26X7R2E104K	Cái	11	1.245	13.692
279	CAP-CER,DIP;10000pF,5%,RADIAL,1KV,X7R	C322C103JDR5TA	Cái	12	2.335	28.016
280	CAP-CER,SMD;2200pF,10%,1210,2KV,X7S	C3225X7S3D222K250AA	Cái	25	2.749	68.734
281	CAP-CER,DIP;2200PF,-20%TO+80%,RADIAL,2KV,F	DEBF33D222ZA2B	Cái	3	731	2.193
282	CAP-CER,SMD;0.6PF,0.05pF,0603,250V,NP0	251R14S0R6AV4T	Cái	105	535	56.133
283	CAP-CER,SMD;0.8PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S0R8BV4T	Cái	89	328	29.153
284	CAP-CER,SMD;1PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S1R0BV4T	Cái	113	328	37.015
285	CAP-CER,SMD;1.2PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S1R2BV4T	Cái	116	328	37.997
286	CAP-CER,SMD;1.6PF,0.1pF,0603,200V,NP0	06032U1R6BAT2A	Cái	69	455	31.395
287	CAP-CER,SMD;2.3PF,0.1pF,0603,50V,A	ML03512R3BAT2A	Cái	115	898	103.260
288	CAP-CER,SMD;3.9PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S3R9BV4T	Cái	117	416	48.674
289	RES-SMD;0.0OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	94	17	1.584
290	RES-SMD;0.0OHM,5%,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	Cái	110	43	4.681
291	RES-SMD;0.0OHM,5%,1206,1/4W	ERJ-8GEY0R00V	Cái	110	60	6.582
292	RES-SMD;8.2OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ8R2V	Cái	6	30	179
293	RES-SMD;1300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ132V	Cái	8	30	239
294	RES-SMD;75OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ750V	Cái	171	23	3.897
295	RES-SMD;12KOHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ123V	Cái	8	30	239
296	RES-SMD;4.7OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ4R7V	Cái	107	23	2.438
297	RES-SMD;15OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ150V	Cái	98	23	2.233
298	RES-SMD;20OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ200V	Cái	84	23	1.914
299	RES-SMD;30OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Cái	120	23	2.735
300	ATTENUATOR;3dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -3dB	Cái	8	1.809	14.473
301	ATTENUATOR;5dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -5dB	Cái	15	1.809	27.137
302	ATTENUATOR;6dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -6dB	Cái	8	1.809	14.473
303	ATTENUATOR;7dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -7dB	Cái	45	1.809	81.410
304	ATTENUATOR;9dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -9dB	Cái	15	1.809	27.137
305	ATTENUATOR;10dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -10dB	Cái	15	1.809	27.137
306	ATTENUATOR;5dB,3PINS,1"	1" JXP-5dB	Cái	15	1.809	27.137
307	ATTENUATOR;6dB,3PINS,1"	1" JXP-6dB	Cái	15	1.809	27.137
308	ATTENUATOR;7dB,3PINS,1"	1" JXP-7dB	Cái	45	1.809	81.410
309	TRANSFORMER;PowerDivider-MAPDCT0029	MAPDCT0029	Cái	5	15.961	79.805
310	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB,MAVCOM	MACP-009944-CK07F0	Cái	5	16.825	84.123
311	CONN-DIP;PLUG,8X14.5MMX3PINS	GK-5	Cái	13	1.202	15.620
312	CONN-DIP;TESTPOINT,10X10MMX5PINS	FL10ZY7	Cái	26	1.202	31.239
313	CONN-DIP;TESTSEAT,7X7MMX4PINS	AT-6	Cái	17	661	11.244
314	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-big	CK-1	Cái	288	350	100.684
315	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-small	CK-0.5	Cái	11	280	3.077
316	IND-DIP;100uH,10%,RADIAL,0.91A,0.28Ohm	RL622-101K-RC	Cái	14	1.547	21.661
317	FB;146OHM@100MHz,7mmO.DX3.8mmL.DX13.5mmL	28B0275-000	Cái	31	335	10.379
318	EQUALIZER-EQG;Zinwell-Fixed	EQG	Cái	28	11.862	332.129
319	EQUALIZER-REQM-65;Zinwell-Fixed	REQM-C65	Cái	8	11.862	94.894
320	DUPLEXER/DIPLER;30X30MMX20PINS,65/87MHZ	MAFL-007988-CD0550	Cái	19	48.354	918.719
321	DUPLEXER/DIPLER;30X30MMX20PINS,65/87MHZ	MAFL-011014	Cái	19	48.354	918.719
322	10uF/16V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R7BB106	chiếc	4	78	311

STT	Chi tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
323	10nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB10 2	chiếc	8	32	259
324	100uF/16V Aluminum SMD Capacitor	100uF35V-3054	chiếc	3	363	1.089
325	100nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB10 4	chiếc	18	39	700
326	220uF/16V Aluminum SMD Capacitor	220uF16V-6377	chiếc	4	389	1.555
327	1uF/16V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R7BB10 5	chiếc	9	52	467
328	4.7uF/35V SMD Aluminum Capacitor	4.7uF35V-3054	chiếc	6	168	1.011
329	18pF/50V ±5% NPO SMD-0805	C0805JRNPO9BN18 0	chiếc	6	26	156
330	100nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB10 4	chiếc	10	39	389
331	220pF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB22 1	chiếc	6	32	194
332	47pF/50V ±5% NPO SMD-0805	0805JRNPO9BN470	chiếc	6	26	156
333	1nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB10 2	chiếc	10	32	324
334	24K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN243	chiếc	100	6	648
335	1K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN102	chiếc	50	6	324
336	10K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN103	chiếc	70	6	454
337	0R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN0	chiếc	60	6	389
338	5.6K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN562	chiếc	100	6	648
339	6.8K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN682	chiếc	100	6	648
340	4.7K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN472	chiếc	100	6	648
341	47R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN470	chiếc	72	6	467
342	100R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN101	chiếc	98	6	635
343	20K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN203	chiếc	89	6	577
344	150 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN151	chiếc	100	6	648
345	33K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN333	chiếc	98	6	635
346	3.3K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN332	chiếc	98	6	635
347	51R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN510	chiếc	76	6	492
348	330R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN331	chiếc	100	6	648
349	270R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN271	chiếc	99	6	642
350	24LC256-I/SN	24LC256-I/SN	chiếc	2	467	933
351	1.5A Adj 1.2V to 37V Positive Voltage Regulator	LM317T	chiếc	2	648	1.296
352	8 MHz HC-49S Crystal	8MHz-HC49S	chiếc	2	39	78
353	15uH/3A SMD 12x12x8mm inductor	L127H-150M	chiếc	4	1.037	4.147
354	6.8uH/4.4A ±30% SMD Inductor	L8D43-6R8N	chiếc	3	778	2.333
355	MMBT3904-SOT23 SMD	MMBT3904-1AM	chiếc	17	78	1.322
356	1N4007 SMD (Mark M7)	1N4007-M7	chiếc	7	65	454
357	SS34 3A/40V Schottky Barrier Diode	SS34	chiếc	2	259	518
358	SMD-1210 Ultra Bright Red LED	HT67-2100SURCS	chiếc	4	168	674
359	CR2032 3V Lithium Battery Cell	CR2032-GOOP	chiếc	2	648	1.296
360	Thẻ nhớ microSD 2GB	-	chiếc	1	10.800	10.800
361	Mạch 2 lớp, kích thước khoảng 200*115 mm	HCN-V4ARM	chiếc	1	19.116	19.116
362	Upper Datalogger GSTV-02/Tấm vỏ trên GSTV-02	-	chiếc	1	37.800	37.800
363	Lower Datalogger GSTV-01/Tấm vỏ dưới GSTV-01	-	chiếc	1	32.400	32.400
364	CAP CER 10UF 10V Y5V 0805	GRM21BR71H106JT	chiếc	10	25	248
365	CAP CER 10000PF 50V 10% X7R 0805	CL21B103JBNC	chiếc	5	13	65
366	CAP ALUM 100UF 16V 20% SMD	100uF16V-SMD6354	chiếc	1	302	302
367	CAP CER 0.1UF 50V Y5V 0805	CL21B104JBAC	chiếc	40	22	864
368	CAP ALUM 330UF 35V 20% SMD	330uF35V-SMD100102	chiếc	1	432	432
369	CAP CER 1UF 25V Y5V 0805	GRM21BR71H105J A12L	chiếc	5	25	124
370	CAP ALUM 4.7UF 16V 20% SMD	CDV-25V-475M	chiếc	2	140	281
371	CAP CER 18PF 50V 5% NPO 0805	GRM21B5C1H180JT	chiếc	10	140	1.404

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
372	CAP CER 220PF 50V 5% NPO 0805	GRM2195C1H221JA 01D	chiếc	10	13	130
373	CAP CER 47PF 50V 5% NPO 0805	GRM2165C1H470JA 01D	chiếc	10	13	130
374	CAP CER 1000PF 50V 10% X7R 0805	GRM2165C1H102JA 01D	chiếc	10	13	130
375	RES 24.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-0724KL	chiếc	4	11	43
376	RES 10.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-0710KL	chiếc	35	4	151
377	RES 33.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-0733KL	chiếc	5	11	54
378	RES 3.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-073KL	chiếc	5	11	54
379	SIM Card Holder FMS006-2600-0	FMS006-2600-0	chiếc	1	2.700	2.700
380	T-FLASH CONNECTOR (MicroSD Socket)	MicroSD	chiếc	1	1.080	1.080
381	IC REG LDO ADJ 1.5A TO-220	LM317T	chiếc	1	1.080	1.080
382	PHOTOCOUPLER 4CH OUT 16-DIP	PC847X0J000F	chiếc	1	2.700	2.700
383	CRYSTAL 7.3728 MHZ 18PF SMD	7.3728MHz-HC49S	chiếc	1	324	324
384	CRYSTAL 25.000 MHZ 18PF SMD	25MHz-HC49S	chiếc	1	324	324
385	INDUCTOR PWR SHIELD 22UH SMD	L127H-150M	chiếc	1	864	864
386	INDUCTOR POWER 6.8UH 1.0A SMD	LT54-3R3M	chiếc	1	324	324
387	TRANS NPN 40V 200MA SOT23	MMBT3904-1AM	chiếc	5	65	324
388	DIODE SCHOTTKY 2A 40V SMB	SS24	chiếc	2	162	324
389	DIODE SCHOTTKY 3A 40V SMC	SS34	chiếc	1	216	216
390	LED ALGAAS RED THIN 0805 SMD	HT17-2102SURC	chiếc	4	108	432
391	BATTERY LITHIUM COIN 3V 20MM	CR2032-GOOP	chiếc	1	540	540
392	IC ARM CORTEX MCU 256K 100-LQFP	LM3S6950-IQC50-A2	chiếc	1	41.173	41.173
393	IC A/D CONV 4-CH SERIAL 16-QSOP	ADS8343EB	chiếc	1	59.517	59.517
394	IC VREF SERIES PREC SOT-23-3	REF3112AIDBZT	chiếc	1	9.453	9.453
395	IC REG BUCK ADJ 2A 8SOIC	TPS5420DR	chiếc	1	10.503	10.503
396	IC REG LDO 3.3V .15A SOT23-5	TPS73133DBVT	chiếc	2	10.923	21.847
397	859955/ Bộ chuyển đổi trở kháng 75 Ohm sang 50 Ohm	-	Bộ	2	274.854	549.709
398	Thiết bị truy nhập EoC trung tâm 4 port RJ45, 3 F-connector Master EAV112 Indoor	-	Bộ	1	589.942	589.942
399	Thiết bị truy nhập EoC đầu cuối 4 port RJ45, 2 F-connector Slave EAV424v2 Indoor	-	Bộ	2	196.647	393.295
400	HomeLink 6081B indoor/Thiết bị truy nhập EoC trung tâm 3 port RJ45, 4 F-connector	-	Bộ	1	744.926	744.926
401	Thiết bị truy nhập EoC đầu cuối HomeAccess 1084, 4 port RJ45, 2 F-connector HomeAccess 1084	-	Bộ	2	173.816	347.632
402	Outdoor Vispace 6000 M-01xx (Master)/Thiết bị truy nhập EoC trung tâm 2 F-connector	-	Bộ	1	677.399	677.399
403	Vispace 6000 S-04LT (Slaver)/Thiết bị truy nhập EoC đầu cuối 2 port RJ45, 2 F-connector	-	Bộ	2	145.157	290.314
404	CAP-CER, SMD; 10uF,20%,0603,6.3V,X5R	C1608X5R0J106M	Cái	60	489	29.361
405	CAP-ALUM, SMD; 220uF, 20%, 8MX11M5_RADIAL, 25V	EEU-FM1E221	Cái	49	607	29.741
406	CAP-CER, DIP; 4700pF, -20%, +80%, Radial, 2KV, -25°C ~ 85°C	DEBF33D4722A2B	Cái	70	899	62.952
407	CAP-CER, SMD; 0.01uF, 10%, 0402, 16V, X7R	0402YC103KAT2A	Cái	57	103	5.879
408	CAP-CER, SMD; 0.01uF, 10%, 0402, 25V, X7R	GRM155R71E103K A01D	Cái	41	28	1.156
409	CAP-CER, SMD; 0.1uF, 10%, 0603, 50V, X7R	C1608X7R1H104K0 80AA	Cái	51	256	13.065
410	CAP-CER, SMD; 0.1uF, 10%, 0402, 10V, X5R	LMK105BJ104KV-F	Cái	418	16	6.817
411	CAP-CER, SMD; 0.1uF, 10%, 0402, 25V, X5R	TMK105BJ104KV-F	Cái	56	210	11.763

STT	Chi tiêu	Mã LK của nhà SX	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
412	CAP-CER, SMD; 0.22uF, 10%, 0402, 6.3V, X5R	GRM155R60J224KE01D	Cái	52	113	5.857
413	CAP-CER, SMD; 0.5pF, ±0.25pF, 0402, 50V, C0G	GJM1555C1HR50CB01D	Cái	50	233	11.642
414	CAP-CER, SMD; 0.75pF, ±0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1HR75BA01D	Cái	35	186	6.505
415	CAP-CER, SMD; 1.2pF, 0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H1R2CA01D	Cái	208	30	6.245
416	CAP-CER, SMD; 1.5pF, 0.25pF, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1H1R5CA01D	Cái	74	56	4.172
417	CAP-CER, SMD; 10nF, 10%, 0402, 25V, X7R	TMK105B7103KV-F	Cái	136	36	4.950
418	CAP-CER, SMD; 10pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H100JA01D	Cái	15	30	450
419	CAP-CER, SMD; 10uF, 10%, 0805, 6.3V, X5R	C2012X5R0J106K125AB	Cái	62	388	24.039
420	CAP-CER, SMD; 18pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H180JA01D	Cái	48	56	2.706
421	CAP-CER, SMD; 1nF, 10%, 0402, 50V, X7R	UMK105B7102KV-F	Cái	137	64	8.730
422	CAP-CER, SMD; 1pF, 0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H1R0CA01D	Cái	127	36	4.526
423	CAP-CER, SMD; 1uF, 10%, 0402, 10V, X5R	LMK105BJ105KV-F	Cái	85	96	8.198
424	CAP-CER, SMD; 2.2nF, 10%, 0402, 50V, X7R	UMK105B7222KV-F	Cái	36	213	7.679
425	CAP-CER, SMD; 20pF, 5%, 0402, 16V, NP0	C0402C0G1C200J	Cái	100	452	45.220
426	CAP-CER, SMD; 22nF, 10%, 0402, 16V, X7R	EMK105B7223KV-F	Cái	50	265	13.268
427	CAP-CER, SMD; 22uF, 20%, 0805, 6.3V, X5R	C2012X5R0J226M125AC	Cái	90	250	22.541
428	CAP-CER, SMD; 22uF, 20%, 1206, 10V, X5R	LMK316BJ226ML-T	Cái	78	986	76.877
429	CAP-CER, SMD; 22uF, 20%, 1210, 25V, X5R	TMK325BJ226MM-T	Cái	53	1.294	68.568
430	CAP-CER, SMD; 270pF, 5%, 0402, 50V, NP0	UMK105CG271JV-F	Cái	90	190	17.097
431	CAP-CER, SMD; 27pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H270JA01D	Cái	36	36	1.283
432	CAP-CER, SMD; 3.3pF, +/-0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H3R3CA01D	Cái	53	34	1.792
433	CAP-CER, SMD; 3.9pF, 0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H3R9CA01D	Cái	43	34	1.454
434	CAP-CER, SMD; 33pF, 5%, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1H330JA01D	Cái	45	34	1.521
435	CAP-CER, SMD; 360pF, 5%, 0805, 50V, NP0	C0805C361J5GACTU	Cái	50	608	30.375
436	CAP-CER, SMD; 39pF, 5%, 0402, 50V, NP0	CGA2B2C0G1H390J	Cái	51	589	30.035
437	CAP-CER, SMD; 4700pF, 10%, 1812, 2KV, X7R	202S43W472KV4E	Cái	51	1.393	71.031
438	CAP-CER, SMD; 470pF, 10%, 0402, 50V, X7R	CGA2B2X7R1H471K050BA	Cái	45	202	9.103
439	CAP-CER, SMD; 47pF, 5%, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H470J050BA	Cái	100	226	22.550
440	CAP-CER, SMD; 620pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H621JA01D	Cái	40	135	5.409
441	CAP-CER, SMD; 620pF, 5%, 0805, 50V, C0G	GRM2165C1H621JA01D	Cái	38	252	9.562
442	CAP-CER, SMD; 62pF, 5%, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H620J	Cái	54	316	17.064
443	CAP-CER, SMD; 8.2pF, +/-0.1pF, 0402, 16V, NP0	C0402C0G1C8R2B	Cái	150	431	64.589
444	CAP-CER, SMD; 820pF, +/-10%, 0402, 50V, X7R	GRM155R71H821KA01D	Cái	69	43	2.981
445	CAP-CER, SMD; 10pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GJM1555C1H100JB01D	Cái	90	233	20.956

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
446	CAP-CER, SMD; 27pF, 2%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H270G A01D	Cái	130	53	6.837
447	CAP-CER, SMD; 30pF, 2%, 0402, 50V, NP0	GRM1556T1H300G D01D	Cái	130	396	51.471
448	CAP-CER, SMD; 5.6pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H5R6B A01D	Cái	90	56	5.074
449	CAP-CER, SMD; 6.2pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H6R2B A01D	Cái	90	186	16.728
450	CAP-CER, SMD; 6.8pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H6R8B A01D	Cái	90	56	5.074
451	CAP-CER, SMD; 7.5pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GJM1555C1H7R5B B01D	Cái	90	610	54.928
452	CAP-CER, SMD; 9.1pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H9R1B A01D	Cái	90	56	5.074
453	CAP-CER, SMD; 33pF, 2%, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H330G0 50BA	Cái	125	596	74.439
454	RES-SMD; 0.0 OHM, JUMP, 1206, 1/4W	RC1206JR-070RL	Cái	92	110	10.135
455	RES-SMD; 00OHM, JUMPER, 0603, 1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	56	269	15.078
456	RES-SMD; 1.0 OHM, 5%, 1206, 1/4W	ERJ-8GEY1R0V	Cái	34	392	13.337
457	RES-SMD; 1.00KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1001X	Cái	60	190	11.424
458	RES-SMD; 1.0MOHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-071ML	Cái	42	269	11.308
459	RES-SMD; 100KOHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-07100KL	Cái	95	130	12.343
460	RES-SMD; 100OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ101X	Cái	186	79	14.604
461	RES-SMD; 10KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ103X	Cái	381	31	11.851
462	RES-SMD; 130KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ134X	Cái	47	291	13.700
463	RES-SMD; 15KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1502X	Cái	49	311	15.241
464	RES-SMD; 17.4KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1742X	Cái	76	311	23.639
465	RES-SMD; 2.43KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2431X	Cái	48	311	14.930
466	RES-SMD; 22K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2202X	Cái	31	311	9.642
467	RES-SMD; 24.3KOHM, 1%, 0402, 1/16W	CRCW040224K3FK ED	Cái	32	318	10.192
468	RES-SMD; 24KOHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-0724KL	Cái	48	273	13.084
469	RES-SMD; 270OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ271X	Cái	69	166	11.484
470	RES-SMD; 27OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0727RL	Cái	60	269	16.155
471	RES-SMD; 3.3KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ332X	Cái	530	54	28.734
472	RES-SMD; 3.74KOHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-073K74L	Cái	52	212	11.047
473	RES-SMD; 31.6KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF3162X	Cái	50	311	15.552
474	RES-SMD; 330OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ331X	Cái	48	291	13.992
475	RES-SMD; 3KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF3001X	Cái	48	311	14.930
476	RES-SMD; 4.30OHM, 1%, 0603, 1/10W	CRCW06034R30FK EA	Cái	20	261	5.212
477	RES-SMD; 4.7KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ472X	Cái	57	231	13.186
478	RES-SMD; 470OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-07470RL	Cái	70	210	14.712
479	RES-SMD; 47KOHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0747KL	Cái	105	178	18.666
480	RES-SMD; 49.9OHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-0749R9L	Cái	117	84	9.831
481	RES-SMD; 5.1KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF5101X	Cái	56	311	17.418
482	RES-SMD; 510.0OHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-07510RL	Cái	46	273	12.539
483	RES-SMD; 53.6K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF5362X	Cái	54	311	16.796
484	RES-SMD; 680OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-07680RL	Cái	33	210	6.936
485	RES-SMD; 75OHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF75R0X	Cái	100	92	9.212
486	RES-SMD; 82OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0782RL	Cái	40	269	10.770
487	RES-SMD; 91.0OHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF91R0X	Cái	48	311	14.930
488	RES-SMD; 91K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF9102X	Cái	71	311	22.084
489	RES-SMD; 93.1K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF9312X	Cái	43	311	13.375
490	RES-SMD; 15OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ150X	Cái	1.240	13	16.606

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
491	RES-SMD; 180HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ180X	Cái	1.240	13	16.606
492	RES-SMD; 270HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ270X	Cái	740	13	9.910
493	RES-SMD; 390HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ390X	Cái	1.240	13	16.606
494	RES-SMD; 1000HM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-07100RL	Cái	118	90	10.616
495	RES-SMD; 220HM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0722RL	Cái	89	22	1.990
496	IND-SMD; 0.12uH, 10%, 0805, 300mA, 200mOHM	MLF2012DR12K	Cái	25	509	12.714
497	IND-SMD; 0.15uH, 10%, 0805, 300mA, 200mOHM	MLF2012DR15K	Cái	49	616	30.201
498	IND-SMD; 0.22uH, 10%, 0805, 250mA, 300mOHM	MLF2012DR22K	Cái	50	616	30.818
499	IND-SMD; 0.82uH, 10%, 0805, 150mA, 650mOHM	MLF2012DR82K	Cái	50	616	30.818
500	IND-SMD; 1.5uH, 10%, 0805, 80mA, 400mOHM	MLF2012A1R5K	Cái	70	2.094	146.566
501	IND-SMD; 100uH, 10%, 0805, 2mA, 3.1mOHM	MLF2012C101K	Cái	37	678	25.095
502	IND-SMD; 12nH, 5%, 0402, 300mA, 410mOHM	LQG15HN12NJ02D	Cái	45	141	6.337
503	IND-SMD; 15uH, 20%, L_4M_6MX6MX2M8, 1.6A, 123.5mOHM	NRS6028T150MMG J	Cái	76	1.068	81.194
504	IND-SMD; 1uH, 20%, 1008, 1.5A, 85mOHM	MLP2520S1R0M	Cái	33	1.143	37.732
505	IND-SMD; 2.2nH, +/-0.1nH, 0402, 150mA, 330mOHM	LQP15MN2N2B02D	Cái	35	432	15.120
506	IND-SMD; 2.2uH, 20%, 0805, 260mA, 169mOHM	LBR2012T2R2M	Cái	44	477	20.975
507	IND-SMD; 2.2uH, 20%, 1210, 1.6A, 78mOHM	BRL3225T2R2M	Cái	42	728	30.591
508	IND-SMD; 2.7nH, +/-0.1nH, 0402, 220mA, 300mOHM	LQP15MN2N7B02D	Cái	47	432	20.304
509	IND-SMD; 3.9nH, +/-0.1nH, 0402, 170mA, 500mOHM	LQP15MN3N9B02D	Cái	46	432	19.872
510	IND-SMD; 4.5uH, 20%, L_4M_6MX6MX4M5, 3.1A, 39mOHM	NRS6045T4R5MMG K	Cái	56	1.235	69.183
511	IND-SMD; 4.7nH, +/-0.1nH, 0402, 160mA, 600mOHM	LQP15MN4N7B02D	Cái	43	432	18.576
512	IND-SMD; 4.7uH, +/-20%, L_4M7_6MX6MX2M8, 2.7A, 40.3mOHM	NRS6028T4R7MMG K	Cái	25	1.103	27.578
513	IND-SMD; 4.7uH, 20%, 1210, 900mA, 200mOHM	NLCV32T-4R7M- PFR	Cái	31	660	20.470
514	IND-SMD; 1.2nH, +/-0.1nH, 0402, 390mA, 100mOHM	LQP15MN1N2B02D	Cái	70	483	33.786
515	IND-SMD; 1.5nH, +/-0.1nH, 0402, 280mA, 200mOHM	LQP15MN1N5B02D	Cái	70	483	33.786
516	IND-SMD; 10nH, 5%, 0402, 300mA, 350mOHM	LQG15HN10NJ02D	Cái	70	445	31.155
517	IND-SMD; 15nH, 5%, 0402, 300mA, 460mOHM	LQG15HN15NJ02D	Cái	70	160	11.174
518	IND-SMD; 3.3nH, +/-0.1nH, 0402, 190mA, 400mOHM	LQP15MN3N3B02D	Cái	70	483	33.786
519	IND-SMD; 4.3nH, +/-0.1nH, 0402, 160mA, 600mOHM	LQG15HN4N3S02D	Cái	70	171	11.960
520	IND-SMD; 5.6nH, +/-0.1nH, 0402, 140mA, 700mOHM	LQP15MN5N6B02D	Cái	70	462	32.342
521	IND-SMD; 8.2nH, 5%, 0402, 300mA, 330mOHM	LQG15HN8N2J02D	Cái	70	171	11.960
522	DIODE-RECTIFIER; 150V, 100mA, SOD-323, RF PIN Diode	BAR 64-03W E6327	Cái	43	1.042	44.801
523	DIODE-SCHOTTKY; 30V, 2A, SMA, B230A-13-F	B230A-13-F	Cái	27	1.194	32.225
524	DIODE-SCHOTTKY; 30V, 2A, DO41, SR203-TP	SR203-TP	Cái	25	841	21.022
525	DIODE-SCHOTTKY; 40V, 1A, SOD-123, 1N5819HW-7-F	1N5819HW-7-F	Cái	6	770	4.623
526	DIODE-SCHOTTKY; 40V, 300mA, SOT-23, BAT54SFILM-DUAL SCHOTTKY	BAT54SFILM	Cái	25	1.041	26.033
527	DIODE-ZENER; 12V, 3W, CASE403A-SMB, 1SMB5927BT3G	1SMB5927BT3G	Cái	28	2.130	59.639
528	IC; 3-Pin Microcontroller Power Supply Supervisor, IMP809, SOT23 2M8X1M2, 5V-3.3V-3V	IMP809REUR-T	Cái	2	17.590	35.179
529	IC; AR8032 Integrated 10/100 Fast Ethernet Transceiver, AR8032, QFN32-5X5MM, 3.3V	AR8032-BL1B	Cái	4	7.925	31.700
530	IC; AR1500 IEEE 1901 and HomePlug AV AFE/Line Driver IC, QFN32-5X5MM	AR1500-AL1C	Cái	2	56.265	112.530

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
531	IC; DDR1, EM6AA160TSB-5G, TSOP66, 16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	Cái	3	8.886	26.659
532	IC; EoC Slave MAC/PHY Transceiver, AR7411, BGA196-1MM.	AR7411-AC3C	Cái	3	40.207	120.621
533	IC; REG BUCK SYNC ADJ, RT8293BHGSP, 8-SOP-EP, 3A-VOUT 0.8V-15V	RT8293BHGSP	Cái	7	3.838	26.865
534	IC; REG BUCK, RT8258GJ6, TSOT23-6, 1.2A	RT8258GJ6	Cái	24	2.686	64.473
535	IC; REG LDO, TL751L12CDR, 8-SOIC, LDO 12V 0.15A	TL751L12CDR	Cái	2	4.580	9.159
536	IC; SDRAM, EM638165TSD-6G, TSOPII-54pin, 4M x 16 bit Synchronous DRAM	EM638165TSD-6G	Cái	3	6.663	19.989
537	IC; SDRAM, W9864G6JH-6I, TSOPII-54pin, 4M x 16 bit Synchronous DRAM	W9864G6JH-6I	Cái	25	8.782	219.548
538	IC; SERIAL FLASH MEMORY, MX25L6406EM2I-12G, , 64Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L6406EM2I-12G	Cái	4	10.736	42.946
539	IC; SoC for AP and ROUTER, AR9331, LPCC-148 12MMX12MM, 1x1 2.4 GHz 802.11N WLANs	AR9331-AL3A	Cái	5	51.835	259.177
540	IC; SYN BUCK, ISL9106IRZ-T, DFN10, 1.2A	ISL9106IRZ-T	Cái	4	11.639	46.554
541	IC; REG BUCK SYNC ADJ, RT8292BHZSP, 8-SOP-EP, 2A-VOUT 0.8V-15V	RT8292BHZSP	Cái	2	4.820	9.641
542	IC REG LDO 12V .25A 8-SOIC	L4931CD120-TR	Cái	25	10.425	260.615
543	CONN-DIP; Header, M, 12POS 0.100", 2ROWS	901310126	Cái	4	3.971	15.882
544	CONN-DIP; SOCKET, F, 4PIN, 75ohm, DIP-2MFM-6587	DIP-2MFM-6587	Cái	3	14.702	44.105
545	CONN-DIP; SOCKET, F, 4PIN, 75ohm, DIP-2YFA-6587	DIP-2YFA-6587	Cái	22	18.377	404.303
546	CONN-DIP; USB-A, SOCKET, RT ANG	73725-0110BLF	Cái	8	2.392	19.135
547	CONN-DIP; RJ45 CONNECTOR, 1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	PJ-A4-BXBH-NNNNN-1	Cái	3	12.495	37.484
548	ANTENNA; C11-2425-5-A	C11-2425-5-A	Cái	8	6.665	53.319
549	RF CABLE; SMA-IPEX-120-A, 140MM, Φ1.0, 50OHM, 0.03MHz-3GHz	SMA-IPEX-120-A	Cái	8	4.562	36.493
550	CHOKE-SMD; 300mA, 350mOHM, 2mmx1.2mm	DLW21SN900SQ2L	Cái	60	1.709	102.540
551	CRYSTAL; 25.000MHz, 10PPM, 18pF, HC49US_TH	9B-25.000MEEJ-B	Cái	9	1.002	9.021
552	ESD; BI-DIR, 2pF, ±8kV, SOT143-4	CM1293A-02SR	Cái	50	1.213	60.642
553	TVS-DIODE; UNIDIR, 400W, 20V/22.8VDO-222AA	SMM4F20A-TR	Cái	22	2.756	60.643
554	FB; 60OHM@100MHz, 500mA, 0402	LI0402E600R-10	Cái	51	315	16.072
555	FB; 48OHM@100MHz, 6A, 1206	FBMJ3216HS480NT	Cái	50	1.789	89.462
556	FB; 470OHM@100MHz, 400mA, 0805	BLM21BB471SN1D	Cái	26	477	12.400
557	LED-DIP; 2.1V, 10mA, RADIAL, 3MM, GREEN	LTL-4232N	Cái	50	363	18.166
558	LED-SMD; 2.85V, 5mA, 0603, BLUE	LB Q39G-L2N2-35-1	Cái	170	504	85.613
559	POWER SUPPLY 100-240V 15V 1200MA, Positive Center	WSU150-1200	Cái	3	26.423	79.270
560	FUSE; PTC RESETTABLE, 1.6A/100A, 16V, 1812	OZCC0160BF2C	Cái	28	1.051	29.417
561	SWITCH; TACT, RIGHT, TS-11-113V2A	TS-11-113V2A	Cái	4	4.402	17.607
562	SWITCH; TACT, RIGHT, TS-1138V2A	TS-1138V2A	Cái	5	5.808	29.039
563	TRANSFORMER; FM-318LLF, TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	Cái	4	6.051	24.205
564	TRANS-BJT; PNP, 60V, 300MW, SOT23-3	MMBT2907A-7-F	Cái	14	418	5.850
565	TRANSFORMER; 10005054-ATHEROS, HomePlug Transformer 10uH 1:1:1 Reinforced Insulation	CS5054	Cái	5	3.810	19.052
566	CRYSTAL;25.000MHz,30PPM,18pF,HC49US_TH	9B-25.000MAAJ-B	Cái	27	772	20.855
567	CAP-ALUM,DIP;220uF,20%,8MX11M5_RADIAL,25V	EEU-FM1E221	Chiếc	15	727	10.909
568	CAP-CER,SMD;0.01uF,10%,0402,16V,X7R	GRM155R71C103K A01D	Chiếc	64	51	3.256
569	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0603,50V,X7R	GRM188R71H104K A93D	Chiếc	59	164	9.698
570	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0402,10V,X5R	GRM155R61A104K A01D	Chiếc	629	12	7.812

STT	Chi tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
571	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0402,25V,X5R	GRM155R61E104K A87D	Chiếc	51	130	6.637
572	CAP-CER,SMD;0.22uF,10%,0402,6.3V,X5R	GRM155R60J224KE 01D	Chiếc	60	271	16.271
573	CAP-CER,SMD;0.5pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GJM1555CIHR50C B01D	Chiếc	42	280	11.753
574	CAP-CER,SMD;0.75pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIHR75B A01D	Chiếc	60	225	13.485
575	CAP-CER,SMD;1.2pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH1R2C A01D	Chiếc	54	144	7.774
576	CAP-CER,SMD;10nF,10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103K A01D	Chiếc	130	22	2.850
577	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH100JA 01D	Chiếc	65	82	5.342
578	CAP-CER,SMD;10uF,10%,0805,6.3V,X5R	GRM21BR60J106KE 19L	Chiếc	47	411	19.324
579	CAP-CER,SMD;10uF,20%,0603,6.3V,X5R	GRM188R60J106M E47D	Chiếc	70	306	21.387
580	CAP-CER,SMD;18pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH180JA 01D	Chiếc	50	218	10.903
581	CAP-CER,SMD;1nF,10%,0402,50V,X7R	GRM155R71H102K A01D	Chiếc	108	36	3.931
582	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0402,10V,X5R	GRM155R61A105K E15D	Chiếc	87	64	5.553
583	CAP-CER,SMD;2.2nF,10%,0402,50V,X7R	GRM155R71H222K A01D	Chiếc	60	211	12.668
584	CAP-CER,SMD;20pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH200JA 01D	Chiếc	51	173	8.829
585	CAP-CER,SMD;22uF,20%,1206,10V,X5R	GRM31CR61A226M E19L	Chiếc	43	1.626	69.915
586	CAP-CER,SMD;22uF,20%,1210,25V,X5R	GRM32ER61E226M E15L	Chiếc	30	1.618	48.529
587	CAP-CER,SMD;270pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH271JA 01D	Chiếc	54	254	13.699
588	CAP-CER,SMD;3.3pF,+/-0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH3R3C A01D	Chiếc	56	220	12.308
589	CAP-CER,SMD;3.9pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH3R9C A01D	Chiếc	32	144	4.607
590	CAP-CER,SMD;33pF,2%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH330G A01D	Chiếc	57	166	9.443
591	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH330JA 01D	Chiếc	56	200	11.213
592	CAP-CER,SMD;360pF,5%,0805,50V,NP0	C0805C361J5GACT U	Chiếc	47	481	22.603
593	CAP-CER,SMD;39pF,5%,0402,50V,NP0	CGA2B2C0G1H390J 050BA	Chiếc	60	267	16.006
594	CAP-CER,DIP;4700pF,80/-20%,RADIAL,2KV,-	DEBF33D4722A2B	Chiếc	20	822	16.433
595	CAP-CER,SMD;470pF,10%,0402,50V,X7R	GCM155R71H471K A37D	Chiếc	57	139	7.904
596	CAP-CER,SMD;620pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH621JA 01D	Chiếc	56	220	12.344
597	CAP-CER,SMD;620pF,5%,0805,50V,C0G	GRM2165CIH621JA 01D	Chiếc	39	455	17.737
598	CAP-CER,SMD;62pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555CIH620JA 01D	Chiếc	56	254	14.225
599	CAP-CER,SMD;8.2pF,+/-0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH8R2B A01D	Chiếc	96	108	10.327
600	CAP-CER,SMD;1.2pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH1R2B A01D	Chiếc	56	244	13.675
601	CAP-CER,SMD;1.5pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH1R5B A01D	Chiếc	60	247	14.839
602	CAP-CER,SMD;1.8pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH1R8B A01D	Chiếc	60	251	15.085
603	CAP-CER,SMD;2.7pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555CIH2R7B A01D	Chiếc	60	122	7.335
604	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	J014-1115	Chiếc	14	2.895	40.526
605	CONN-DIP;USB-A, SOCKET, RT ANG	73725-0110BLF	Chiếc	15	2.872	43.073

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
606	DIODE-SCHOTTKY;30V,2A,SMA,B230A-13-F	B230A-13-F	Chiếc	49	815	39.939
607	DIODE-SCHOTTKY;40V,1A,SOD-123,1N5819HW-7-F	1N5819HW-7-F	Chiếc	90	544	48.979
608	DIODE-SCHOTTKY;40V,300mA,SOT-23,Surface Mount	BAT54SFILM	Chiếc	14	553	7.735
609	DIODE-ZENER;12V,3W,DO214AA,Surface Mount	3SMBJ5927B-TP	Chiếc	40	1.340	53.585
610	IC;DDR1,EM6AA160TSB-5G,TSOP66,16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	Chiếc	15	7.393	110.889
611	IC;EoC Slave MAC/PHY Transceiver,AR7411,BGA196-1MM.	AR7411-AC3C	Chiếc	15	46.267	694.002
612	IC;Ethernet Transceiver,AR8032,QFN32-5X5MM,10/100Mbps PHY	AR8032-BL1A	Chiếc	15	2.724	40.853
613	IC;IEEE 1901 and HomePlug AV AFE/Line Driver IC,AR1500,QFN32-5X5MM	AR1500-AL1C	Chiếc	15	15.443	231.644
614	IC;INVERTER ULP-A SINGLE,NC7SV04P5X,SC70-5	NC7SV04P5X	Chiếc	30	1.736	52.073
615	IC;REG BUCK SYNC ADJ,RT8293BHGSP,8-SOP-EP,3A/23V	RT8293BHGSP	Chiếc	15	4.457	66.848
616	IC;REG BUCK,RT8258GJ6,TSOT23-6,1.2A/24V	RT8258GJ6	Chiếc	12	4.006	48.069
617	IC;REG LDO,TL751L12CDR,8-SOIC,LDO 12V 0.15A	TL751L12CDR	Chiếc	15	4.151	62.270
618	IC;SDRAM,EM638165TSD-6G,TSOPII-54pin,4M x 16 bit Synchronous DRAM	EM638165TSD-6G	Chiếc	15	3.475	52.125
619	IC;SERIAL FLASH MEMORY,MX25L1606EM2I-12G,SOP8,16Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L1606EM2I-12G	Chiếc	15	6.385	95.768
620	IC;SERIAL FLASH MEMORY,MX25L6406EM2I-12G,SOP8,64Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L6406EM2I-12G	Chiếc	15	12.981	194.721
621	IC;SoC for AP and ROUTER,AR9331,LPC-148,1x1 2.4 GHz 802.11N WLANs	AR9331-AL3A	Chiếc	15	33.613	504.193
622	IC;SYN BUCK,ISL9106IRZ-T,DFN10,1.2A/5.5V	ISL9106IRZ-T	Chiếc	11	12.457	137.031
623	IND-SMD;0.12uH,10%,0805,250mA,290mOHM	LQM21NNR12K10D	Chiếc	50	471	23.539
624	IND-SMD;0.15uH,10%,0805,250mA,320mOHM	LQM21NNR15K10D	Chiếc	50	584	29.225
625	IND-SMD;0.22uH,10%,0805,250mA,380mOHM	LQM21NNR22K10D	Chiếc	50	594	29.705
626	IND-SMD;0.82uH,10%,0805,150mA,810mOHM	LQM21NNR82K10D	Chiếc	50	627	31.374
627	IND-SMD;1.5uH,10%,0805,80mA,400mOHM	MLF2012A1R5K	Chiếc	40	618	24.710
628	IND-SMD;1.8nH,+/-0.1nH,0402,280mA,200mOHM	LQP15MN1N8B02D	Chiếc	41	525	21.516
629	IND-SMD;100uH,10%,0805,2mA,3.1OHM	MLF2012C101K	Chiếc	40	696	27.829
630	IND-SMD;12nH,5%,0402,300mA,410mOHM	LQG15HN12N102D	Chiếc	40	328	13.133
631	IND-SMD;15uH,20%,L_4M_6MX6MX2M8,1.8A,95mOHM	NRS6028T150MMG J	Chiếc	30	1.285	38.562
632	IND-SMD;1uH,20%,1008,1.5A,85mOHM	MLP2520S1R0M	Chiếc	30	1.262	37.859
633	IND-SMD;2.2uH,20%,0805,260mA,130mOHM	LBR2012T2R2M	Chiếc	40	448	17.911
634	IND-SMD;2.2uH,20%,1210,1.85A,65mOHM	BRL3225T2R2M	Chiếc	38	781	29.672
635	IND-SMD;3.9nH,+/-0.1nH,0402,170mA,500mOHM	LQP15MN3N9B02D	Chiếc	46	531	24.443
636	IND-SMD;4.5uH,20%,L_4M_6MX6MX4M5,3.1A,30mOHM	NRS6045T4R5MMG K	Chiếc	15	1.519	22.784
637	IND-SMD;4.7uH,30%,L_4M7_5MX5MX2M2,2A,58mOHM	LQH5BPN4R7NT0L	Chiếc	29	1.179	34.189
638	IND-SMD;4.7uH,20%,1210,900mA,200mOHM	NLCV32T-4R7M-PFR	Chiếc	97	664	64.438
639	IND-SMD;1.6nH,+/-0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN1N6B02D	Chiếc	50	560	28.010
640	IND-SMD;4.3nH,+/-0.1nH,0402,160mA,600mOHM	LQP15MN4N3B02D	Chiếc	50	559	27.972
641	RES-SMD;0.0 OHM,JUMP,1206,1/4W	ERJ-8GEY0R00V	Chiếc	200	27	5.465
642	RES-SMD;0OHM,JUMPER,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	Chiếc	600	19	11.405
643	RES-SMD;0OHM,JUMPER,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Chiếc	60	205	12.273
644	RES-SMD;0OHM,JUMPER,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	Chiếc	50	231	11.545
645	RES-SMD;1.0 OHM,5%,1206,1/4W	ERJ-8GEY1R00V	Chiếc	50	254	12.679

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
646	RES-SMD;1.00KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1001X	Chiếc	60	129	7.724
647	RES-SMD;1M OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ105X	Chiếc	60	225	13.498
648	RES-SMD;100K OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ104X	Chiếc	60	114	6.810
649	RES-SMD;100OHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-07100RL	Chiếc	61	55	3.360
650	RES-SMD;100OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ101X	Chiếc	192	45	8.709
651	RES-SMD;10KOHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ103X	Chiếc	118	27	3.186
652	RES-SMD;15KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	Chiếc	60	246	14.755
653	RES-SMD;17.4KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1742X	Chiếc	60	242	14.515
654	RES-SMD;2.37KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2371X	Chiếc	60	240	14.405
655	RES-SMD;2.43KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2431X	Chiếc	59	239	14.095
656	RES-SMD;22K,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2202X	Chiếc	60	242	14.515
657	RES-SMD;24.3KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW040224K3FK ED	Chiếc	60	343	20.587
658	RES-SMD;24KOHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-0724KL	Chiếc	60	193	11.599
659	RES-SMD;270OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ271X	Chiếc	56	112	6.278
660	RES-SMD;3.3KOHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ332X	Chiếc	60	221	13.278
661	RES-SMD;3.74K OHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3741X	Chiếc	56	160	8.975
662	RES-SMD;330OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ331X	Chiếc	60	221	13.278
663	RES-SMD;3KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3001X	Chiếc	60	240	14.405
664	RES-SMD;470 OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ471X	Chiếc	56	221	12.392
665	RES-SMD;47K OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ473X	Chiếc	60	225	13.498
666	RES-SMD;5.1KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5101X	Chiếc	60	240	14.405
667	RES-SMD;510.0OHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-07510RL	Chiếc	60	192	11.547
668	RES-SMD;53.6K,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5362X	Chiếc	60	242	14.515
669	RES-SMD;6.19KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF6191X	Chiếc	60	246	14.755
670	RES-SMD;680 OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ681X	Chiếc	50	143	7.139
671	RES-SMD;75KOHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-0775KL	Chiếc	60	193	11.599
672	RES-SMD;75OHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF75R0X	Chiếc	90	46	4.150
673	RES-SMD;82 OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ820X	Chiếc	56	221	12.392
674	RES-SMD;91.0OHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF91R0X	Chiếc	60	246	14.755
675	RES-SMD;93.1K,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF9312X	Chiếc	60	240	14.405
676	CRYSTAL;25.000MHz,10PPM,18pF,HC49US_TH	HC-49US	Chiếc	20	140	2.799
677	FB;470OHM@100MHz,400mA,0805	BLM21BB471SN1D	Chiếc	50	461	23.058
678	FB;600OHM@100MHz,1700mA,0402	BLM15PD600SN1D	Chiếc	54	273	14.761
679	FUSE;PTC RESETTABLE,1.6A/100A,16V,1812	0ZCC0160BF2C	Chiếc	30	1.063	31.888
680	HEAT SINK;CPU W/ADHESIVE,14x14x6mm,SQUARE,PIN FINS	CPU-141406+T410-1212	Chiếc	15	2.651	39.763
681	HEAT SINK;CPU W/ADHESIVE,15.3x15.2x6.35mm,RECTANGULAR, PIN FINS	CPU-151506+T410-1414	Chiếc	15	3.132	46.982
682	LED-DIP;2.1V,10mA,LED_TH_3MM1,GREEN	LTL-4232N	Chiếc	100	243	24.268
683	SWITCH;TACT,RIGHT,TH4	DTSA-62K-V	Chiếc	15	302	4.523
684	TRANS-BJT;PNP,60V,600mA,SOT23	MMBT2907A-TP	Chiếc	100	213	21.287
685	TRANSFORMER;CS5054-ATHEROS,HomePlug Transformer 10uH 1:1:1 Reinforced Insulation	CS5054	Chiếc	15	4.342	65.134
686	TRANSFORMER;FM-318LLF,TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	Chiếc	20	797	15.947
687	TVS-DIODE;BI-DIR,350W,8.5V/18.5V,SOD-323	GBLC08C-LF-T7	Chiếc	48	4.444	213.322
688	CONN-DIP;SOCKET,F, 4PIN,75ohm,DIP-2YFM-6587	DIP-2YFM-6587	Chiếc	15	12.111	181.664
689	ANTENNA;C11-2425-5-A, 2.4-2.5GHz 50Ohm SMA-CON BLACK 195mm	C11-2425-5-A	Chiếc	10	4.614	46.138
690	POWER SUPPLY;100-240VAC 15VDC 1200MA, 2.1x5.5MM Jack,Positive Center	1703183	Chiếc	10	12.102	121.023
691	Screw cover:Diameter 8mm,thickness 3mm,rubber	-	Chiếc	57	248	14.153
692	SCREW;3mm diameter,self-tapping,13mm length	-	Chiếc	40	112	4.488

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
693	SMA JACK TO SOLDER CABLE;SMA-1.13-SLD-95,95mm,1.13mm,50Ohm,0.03MHz~3000MHz	SMA-1.13-SLD-95	Chiếc	10	3.414	34.139
694	BUNCHED CABLE;ETHERNET INTERFACE W/ RJ45 PLUG ENDS, 1m length	-	Chiếc	10	151	1.508
695	PCB ARRAY;EOC_REV0.1, 4lớp,160.0x122.4x1.6mm,FR4,chữtrắng,phúxanh	EOC REV0.1	Chiếc	15	10.951	164.260
696	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ472X	Chiếc	600	27	16.200
697	CAP-CER.SMD;0.1UF.10%.0603.25V.X7R	GRM188R71E104K A01D	chiếc	46	40	1.858
698	CAP-CER.SMD;1UF.10%.0805.25V.X7R	GRM219R71E105K A88D	chiếc	4	639	2.557
699	CAP-CER.SMD;0.047UF.10%.1206.100V.X7R	GRM31MR72A473K A01L	chiếc	5	632	3.160
700	CAP-CER.SMD;47pF.5%.0603.50V.NP0	GRM1885C1H470JA 01D	chiếc	3	107	320
701	CAP-ALUM.DIP;100uF.20%.5MX10MX17M.100V.350MA	ECA-2AM101	chiếc	2	2.058	4.115
702	CAP-ALUM.DIP;220uF.20%.5MX12M5X22M.100V.550MA	ECA-2AM221	chiếc	1	3.086	3.086
703	CAP-ALUM.SMD;220uF.20%.8M3X8MX10M2.25V.230MA	EEE-1EA221UP	chiếc	3	2.976	8.928
704	CAP-CER.SMD;1000pF.10%.1206.1KV.X7R	GRM31BR73A102K W01L	chiếc	5	1.036	5.181
705	CAP-CER.SMD;0.1UF.10%.2220.1KV.X7R	GRM55DR73A104K W01L	chiếc	4	4.310	17.239
706	CAP-CER.SMD;0.1UF.20%.1206.100V.X7R	C3216X7R2A104M1 60AA	chiếc	5	779	3.894
707	CONN-DIP;PLUG.2PIN.2M5.MALE.Through-Hole	B2B-XH-A (LF)(SN)	chiếc	2	657	1.314
708	TERM-QUICK-CONNECTS-CONN;16-20 AWG.4M75X6M35	60214-1	chiếc	4	303	1.213
709	FEMALE-SOCKET-RECTANGULAR-CONNECTOR;PLUG.4PIN.PITCH-4M2	39012040	chiếc	1	1.367	1.367
710	TERM-FEMALE;18-24AWG	39000207	chiếc	2	631	1.261
711	TERM-FEMALE;22-28AWG	SXH-001T-P0.6	chiếc	4	260	1.041
712	IC;DUAL_COMPARATOR.OPEN_COLLECTOR.8-SOIC	LM393DR	chiếc	1	4.042	4.042
713	IC;LDO_REGULATOR.5V.0.1A.SOT89-3	UA78L05ACPK	chiếc	1	2.939	2.939
714	IC;EEPROM.2KBIT.400KHZ.8-SOIC	M24C02-WMN6TP	chiếc	1	3.821	3.821
715	IC;VREF.ADJ.100mA.SOT-23	ZTL431AFTA	chiếc	1	3.601	3.601
716	RES-SMD;200OHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ201V	chiếc	26	367	9.553
717	RES-SMD;10KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ103V	chiếc	15	367	5.511
718	RES-SMD;2.2KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ222V	chiếc	19	367	6.981
719	RES-SMD;3.4KOHM.1%.0603.1/10W	ERJ-3EKF3401V	chiếc	6	367	2.204
720	RES-SMD;51KOHM.5%.1206.1/4W	ERJ-8GEYJ513V	chiếc	2	367	735
721	RES-SMD;4.7KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ472V	chiếc	10	34	338
722	RES-SMD;100KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ104V	chiếc	8	367	2.939
723	RES-SMD;220KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ224V	chiếc	2	367	735
724	RES-SMD;240KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ244V	chiếc	2	367	735
725	RES-SMD;51OHM.5%.1206.1/4W	ERJ-8GEYJ510V	chiếc	1	367	367
726	RES-SMD;1KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ102V	chiếc	7	367	2.572
727	RES-SMD;680OHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ681V	chiếc	2	367	735
728	RES-SMD;14.7KOHM.1%.0603.1/10W	ERJ-3EKF1472V	chiếc	2	367	735
729	RES-SMD;9.53KOHM.1%.0603.1/10W	ERJ-3EKF9531V	chiếc	2	367	735
730	DIODE-ZENER;12V.300mW.SOT23-3.SMD	BZX84C12-7-F	chiếc	2	727	1.455
731	DIODE-SCHOTTKY;30V.200mA.SOD-523.SMD	RB520S30TIG	chiếc	6	629	3.774
732	LED-DIP;2.4V.10mA.5MX8M7.GREEN	TLHG6405	chiếc	4	2.058	8.230
733	FUSE;FAST.15A.65V.2512.SMD	0448015.MR	chiếc	2	7.826	15.652
734	FUSE;FAST.1A.125V.2512.SMD	0448001.MR	chiếc	1	5.557	5.557
735	IND-DIP;22uH.10%.5.0X7.5mm.0.65A.270mOHM	11R223C	chiếc	1	1.066	1.066

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
736	CHOKE-COMM-MODE-DIP;1mH.10%.10.8X19mm.4.8A.22mOHM.Through-Hole	8103-RC	chiếc	2	14.399	28.798
737	MOS-FET;N-Channel.100V.110A.D2PAK	STB120NF10T4	chiếc	2	10.872	21.744
738	TRANS-BJT;NPN.80V.500MA.SOT-23	PMBTA06.215	chiếc	2	716	1.433
739	MOV-VARISTOR;100VDC.70VAC.4.5kA.25J.DISCL4MM	ERZ-V14D101	chiếc	3	1.554	4.662
740	GDT-GAS-TUBE-DISCHARGE;90VDC.10kA.Through-Hole-Axial-Cylinder	SL1411A090A	chiếc	1	8.891	8.891
741	DC-TO-DC;99.6W.48V-to-12V.ISOLATE.QUATERBRICK	UCQ-12/8.3-D48NB-C	chiếc	2	238.936	477.872
742	DIODE-SWITCHING;200V.20A.25ns.D2PAK	BYV32EB-200.118	chiếc	1	5.989	5.989
743	Module Uplink tốc độ cao 4 cổng 1G/10G theo chuẩn SFP+ (hỗ trợ thiết bị Switch E330) (SN:E083GD13201A)	E330-NM-4SFP+	chiếc	1	1.221.240	1.221.240
744	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X1 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLUE	PJ-H1-BXSH-NNNNN-1	chiếc	3	5.448	16.344
745	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	PJ-A4-BXBH-NNNNN-1	chiếc	3	9.262	27.786
746	PUSH-BUTTON;BUTTON,RIGHT ANGLE,	TS-1138V2A	chiếc	3	7.022	21.066
747	PUSH-BUTTON;BUTTON,RIGHT ANGLE,	TS-11-113V2A	chiếc	3	7.022	21.066
748	TRANSFORMER;FM-218LLF,TRANS_TH-16P_10/100 BASE-T SINGLE	FM-218LLF	chiếc	5	1.059	5.297
749	TRANSFORMER;FM-318LLF,TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	chiếc	6	1.544	9.262
750	ANTENNA;2.4GHZ;R-SMA;BLACK;113mm	JXT-XPQ2400-5dB-21	chiếc	24	16.435	394.445
751	Hight frequency cable;CABLE SMA JACK TO SOLDER 95mm	JXT-RF-ISF	chiếc	25	13.045	326.136
752	ANTENNA;2.4GHZ;R-SMA;BLACK;113mm	IAO-2405-01V	chiếc	24	9.746	233.907
753	Hight frequency cable;CABLE SMA JACK TO SOLDER 95mm	RFC-113-95-03N	chiếc	10	5.932	59.324
754	5V/10W AC adapter, 2.1x5.5MM Jack	1702105	chiếc	22	12.349	271.681
755	IC,Power Supervisor,IMP809,SOT-23	IMP809REUR-T	chiếc	30	21.308	639.252
756	CAP-ALUM,DIP; 100uF,20%,Radial,10V,.	ECA-1AM1011	chiếc	12	579	6.947
757	CAP-CER,SMD;0.22uF,±10%,0402,6.3V,NP0	GRM155R60J224KE01D	chiếc	51	120	6.125
758	CAP-CER,SMD;1.0uF,±10%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105K	chiếc	49	150	7.361
759	CAP-CER,SMD;10000pF,±10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103KA01D	chiếc	5	19	96
760	CAP-CER,SMD;10uF,±20%,0603,6.3V,X5R	C1608X5R0J106M	chiếc	57	524	29.881
761	CAP-CER,SMD;22uF,±20%,0805,6.3V,X5R	C2012X5R0J226M	chiếc	104	475	49.421
762	CAP-CER,SMD;3,9pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1H3R9CZ01D	chiếc	69	63	4.330
763	CAP-CER,SMD;4700pF,±10%,1812,2KV,X7R	202S43W472KV4E	chiếc	53	1.707	90.456
764	CAP-CER,SMD;470pF,±10%,0402,50V,X7R	C1005X7R1H471K	chiếc	45	96	4.301
765	CONN-DIP;Header,M,12POS 0.100",2ROWS	901310126	chiếc	5	6.534	32.672
766	CONN-DIP;Header,M,14POS 0.100",2ROWS	901310127	chiếc	5	6.548	32.740
767	CONN-DIP;POWER,2.1X5.5MM,5A	PJ-102AH	chiếc	5	3.211	16.056
768	FB;330Ohm@100MHz,1.5A,0805	BLM21PG331SN1D	chiếc	25	633	15.836
769	FB;48Ohm@100MHz,6A,1206	FBMJ3216HS480NT	chiếc	13	393	5.111
770	FUSE;PTC RESETTABLE,0.75A/40A,6V,0805	MF-PSMF075X-2	chiếc	23	1.237	28.452
771	IC; DDR2 SDRAM,W9725G6KB-25,84WBGA,256MBIT	W9725G6KB-25	chiếc	14	17.749	248.485
772	IC,FLASH Memory,MX25L3205D, SO8,32M-bit SPI FLASH	MX25L3206EM21-12G	chiếc	3	9.262	27.787
773	IND-SMD;120nH,±10%,0402,140mA,590mOHM	MLF1005LR12K	chiếc	53	765	40.520
774	IND-SMD;1.0uH,±20%,1008,1.5A,85mOHM	MLP2520S1R0M	chiếc	33	1.166	38.481
775	IND-SMD;110nH,±5%,0402,150mA,2.2OHM	MLG1005SR11J	chiếc	51	139	7.105

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
776	IND-SMD;4.7uH,20%,6x6x2.8mm,3A,40.3mOHM	NRS6028T4R7MMGK	chiếc	50	1.098	54.886
777	LED-DIP;2.1V,10mA,Radial 3.1mm,BLUEGREEN	SLR-343MCT32	chiếc	30	642	19.249
778	RES-SMD;0OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	chiếc	84	38	3.211
779	RES-SMD;0.0OHM,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	chiếc	81	52	4.199
780	RES-SMD;1.0KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1001X	chiếc	43	74	3.167
781	RES-SMD;10KOHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ103X	chiếc	122	27	3.334
782	RES-SMD;120KOHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1203X	chiếc	69	74	5.082
783	RES-SMD;13KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1302X	chiếc	69	74	5.082
784	RES-SMD;150KOHM,±1%,0402,1/16W	RC0402FR-07150KL	chiếc	71	25	1.741
785	RES-SMD;15KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	chiếc	68	74	5.009
786	RES-SMD;2.43KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2431X	chiếc	72	74	5.303
787	RES-SMD;22OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ220X	chiếc	166	19	3.173
788	RES-SMD;23.2KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2322X	chiếc	47	96	4.492
789	RES-SMD;270OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ271X	chiếc	53	38	2.026
790	RES-SMD;330OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ331X	chiếc	41	52	2.125
791	RES-SMD;3KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3001X	chiếc	49	96	4.683
792	RES-SMD;40.2KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF4022X	chiếc	62	74	4.567
793	RES-SMD;41.2KOHM,±1%,0402,1/16W	CRCW040241K2FKED	chiếc	50	175	8.737
794	RES-SMD;49.9OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF49R9X	chiếc	31	41	1.269
795	RES-SMD;5.1KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5101X	chiếc	49	96	4.683
796	RES-SMD;75OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF75R0X	chiếc	35	55	1.909
797	RES-SMD;1.0OHM,±5%,1206,1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	chiếc	23	96	2.198
798	PUSH-BUTTON;DPDT,VERT,TH6	PN21SJNA03QE	chiếc	27	6.346	171.338
799	TRANS-BJT;PNP,60V,600mA,SMD SOT23-3	MMBT2907A-7-F	chiếc	21	330	6.938
800	TVS-DIODE;UNIDIR,400W,6.5V/7.2V,SMA	SMAJ6.5A-TR	chiếc	15	1.565	23.469
801	CRYSTAL;25.000MHz,,12pF,HC-49/S	9B-25.000MAAE-B	chiếc	5	1.428	7.140
802	Hight frequency cable;CABLE SMA JACK TO SOLDER 95mm	NL014	chiếc	3	8.200	24.600
803	5V/10W AC adapter, 2.1x5.5MM Jack	TPA102-10050-EU(II)	chiếc	6	8.525	51.149
804	CAP-CER,SMD;4.7uF,±20%,0603,10V,Y5V	GRM188F51A475ZE20D	chiếc	30	429	12.863
805	FUSE;PTC RESETTABLE,2A,8V, 100A I _{max}	miniSMDC200F-2	chiếc	30	1.830	54.886
806	RES-SMD;100 OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ101X	chiếc	30	396	11.881
807	RES-SMD;4.7KOHM,±5%,0402,1/16W	ERJ-2GEJ472X	chiếc	28	396	11.089
808	CHOKE-SMD;300mA,350mOHM,2mmx1.2mm	DLW21SN900SQ2L	chiếc	30	2.111	63.323
809	DIODE-ARRAY;6V,,SOT143-4,8KV/1pF	CM1293A-02SR	chiếc	30	554	16.628
810	AR9331,HORNET SINGLE CHIP,1X1, 2.4GHz,802.11N,WLANs,QFN	AR9331-AL3A	chiếc	2	6.273	12.547
811	USB type-A receptor Connectors TH upright	KS-001V-ANW-L	chiếc	3	4.380	13.139
812	IC;16bit DDR1-400 32MByte,EM6AA160,TSOP66	EM6AA160TSB-5G	chiếc	12	40.869	490.432
813	CONN-DIP; Header, M, 12POS 0.100", 2ROWS	901310126	chiếc	4	7.186	28.744
814	CONN-DIP; USB-A, SOCKET, RT ANG	73725-0110BLF	chiếc	2	4.225	8.451
815	CRYSTAL; 25.000MHz, 10PPM, 18pF, HC49US_TH	9B-25.000MEEJ-B	chiếc	4	2.212	8.847
816	IC; Step-Down Converter, MP1470GJ, SOT23-6, 2A, 16V, 500kHz Synchronous	MP1470GJ	chiếc	41	14.930	612.136
817	IC FLASH SERIAL 64MB 86MHZ 8SOP	MX25L6406EM2I-12G	chiếc	3	20.539	61.618
818	Vỏ nhựa, kích thước 160X100X33mm, material:normalABS	PNC017	chiếc	18	6.768	121.830
819	CAP-ALUM, DIP; 100uF, 20%, Radial, 10V, -,	ECA-1AM101I	chiếc	55	719	39.537
820	CAP-CER, SMD; 22uF, ±20%, 0805, 6, 3V, X5R	C2012X5R0J226M	chiếc	62	664	41.140
821	CAP-CER, SMD; 10uF, ±20%, 0603, 6.3V, X5R	C1608X5R0J106M	chiếc	27	525	14.183
822	CAP-CER, SMD; 4700pF, ±10%, 1812, 2KV, X7R	202S43W472KV4E	chiếc	30	2.718	81.551

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
823	CAP-CER, SMD; 22uF, ±20%, 1206, 10V, X5R	LMK316BJ226ML-T	chiếc	53	1.527	80.949
824	CAP-CER, SMD; 8pF, ±0.5pF, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H080D	chiếc	22	144	3.162
825	CAP-CER, SMD; 5pF, ±0.25pF, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H050C	chiếc	22	144	3.162
826	RES-SMD; 100KOHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ104X	chiếc	52	95	4.948
827	RES-SMD; 120KOHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1203X	chiếc	49	134	6.557
828	RES-SMD; 40.2KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF4022X	chiếc	34	134	4.550
829	RES-SMD; 13KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1302X	chiếc	58	134	7.761
830	RES-SMD; 1.0OHM, ±5%, 1206, 1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	chiếc	22	134	2.944
831	RES-SMD; 2.43KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2431X	chiếc	52	134	6.958
832	RES-SMD; 0OHM, -, 0603, 1/10W	ERJ-3GEY0R00V	chiếc	34	51	1.730
833	RES-SMD; 5.1KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF5101X	chiếc	30	134	4.014
834	RES-SMD; 22OHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ220X	chiếc	42	40	1.674
835	RES-SMD; 3KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF3001X	chiếc	48	134	6.423
836	RES-SMD; 49.9OHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF49R9X	chiếc	78	56	4.347
837	RES-SMD; 75OHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF75R0X	chiếc	57	75	4.297
838	RES-SMD; 270OHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ271X	chiếc	14	72	1.015
839	RES-SMD; 330OHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ331X	chiếc	13	72	942
840	RES-SMD; 0.0OHM, -, 1206, 1/4W	RC1206JR-070RL	chiếc	26	122	3.162
841	RES-SMD; 150KOHM, ±1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-07150KL	chiếc	22	77	1.704
842	RES-SMD; 23.2KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2322X	chiếc	22	553	12.165
843	RES-SMD; 41.2KOHM, ±1%, 0402, 1/16W	CRCW040241K2FKED	chiếc	22	442	9.732
844	IND-SMD; 4.7uH, 20%, 6x6x2.8mm, 3A, 40.3mOHM	NRS6028T4R7MMGK	chiếc	72	1.529	110.085
845	IND-SMD; 1.0uH, ±20%, 1008, 1.5A, 85mOHM	MLP2520S1R0M	chiếc	34	1.626	55.275
846	TVS-DIODE; UNIDIR, 400W, 6.5V/7.2V, SMA	SMAJ6.5A-TR	chiếc	14	2.726	38.166
847	LED-DIP; 2.1V, 10mA, Radial 3.1mm, GREEN DIFFUSED	SLR-342MG3F	chiếc	20	1.233	24.663
848	FB; 48Ohm@100MHz, 6A, 1206	FBMJ3216HS480NT	chiếc	40	547	21.898
849	FUSE; PTC RESETTABLE, 0.75A/40A, 6V, 0805	MF-PSMF075X-2	chiếc	24	1.711	41.075
850	TRANS-BJT; PNP, 60V, 600mA, SMD SOT23-3	MMBT2907A-7-F	chiếc	12	461	5.534
851	ESD; UNI-DIR, 2pF, 3.3V/6V, SOT143-4	CM1293A-02SR	chiếc	22	1.935	42.578
852	CONN-DIP; RJ45 CONNECTOR, 1X1 TAB-DOWN WITHOUTLEDS WITHOUT FILTER, BLUE	PJ-H1-BXSH-NNNNN-1	chiếc	2	3.439	6.877
853	CONN-DIP; RJ45 CONNECTOR, 1X4 TAB-DOWN WITHOUTLEDS WITHOUT FILTER, BLACK	PJ-A4-BXBH-NNNNN-1	chiếc	2	12.608	25.217
854	PUSH-BUTTON; BUTTON, RIGHT ANGLE	TS-1138V2A-160-BK	chiếc	2	986	1.971
855	PUSH-BUTTON; BUTTON, RIGHT ANGLE	TS-11-113V2A-160	chiếc	2	1.192	2.384
856	TRANSFORMER; FM-218LLF, TRANS_TH-16P_10/100 BASE-T SINGLE	FM-218LLF	chiếc	2	3.848	7.697
857	TRANSFORMER; FM-318LLF, TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	chiếc	5	5.622	28.110
858	IC; AR9331, HORNET SINGLE CHIP, 1X1, 2.4GHz, 802.11N, WLANs, QFN	AR9331-AL3A	chiếc	3	2.723	8.170
859	IC; DDR1, EM6AA160TSB5G, TSOP66, 16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	chiếc	2	28.595	57.189
860	CAP-CER, SMD; 10000pF, ±10%, 0402, 25V, X7R	GRM155R71E103K A01D	chiếc	58	87	5.049
861	CAP-CER, SMD; 0.22uF, ±10%, 0402, 6.3V, X5R	GRM155R60J224KE 01D	chiếc	58	800	46.410
862	CAP-CER, SMD; 1.2pF, ±0.25pF, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1H1R2C A01D	chiếc	76	292	22.211
863	CAP-CER, SMD; 1.5pF, ±0.25pF, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1H1R5C A01D	chiếc	58	430	24.943
864	CAP-CER, SMD; 1pF, ±0.25pF, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1H1R0C A01D	chiếc	58	415	24.066
865	CAP-CER, SMD; 3.9pF, ±0.25pF, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1H3R9C A01D	chiếc	56	347	19.432

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
866	CAP-CER,SMD; 0.75pF,±0.1pF,0402,50V,C0G	GJM1555C1HR75B B01D	chiếc	58	1.059	61.450
867	CAP-CER,SMD; 0.5pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1HR50C A01D	chiếc	58	405	23.484
868	CAP-CER,DIP; 4700pF,20%,+80%,Radial,2KV,-25°C ~ 85°C	DEBF33D472ZA2B	chiếc	44	3.049	134.149
869	IND-SMD;4.7nH, ±0.1nH,0402,160mA,600mOHM	LQP15MN4N7B02D	chiếc	6	1.133	6.798
870	IND-SMD;2.2nH, ±0.1nH,0402,150mA,330mOHM	LQP15MN2N2B02D	chiếc	36	913	32.854
871	IND-SMD; 12nH, ±5%,0402,300mA,410mOHM	LQG15HN12NJ02D	chiếc	36	560	20.167
872	IND-SMD;3.9nH, ±0.1nH,0402,170mA,500mOHM	LQP15MN3N9B02D	chiếc	30	913	27.378
873	IND-SMD;1.8nH, ±0.1nH,0402,280mA,200mOHM	LQP15MN1N8B02D	chiếc	36	913	32.854
874	IND-SMD;2.7nH, ±0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN2N7B02D	chiếc	54	769	41.541
875	FB;330Ohm@100MHz, 1.5A,0805	BLM21PG331SN1D	chiếc	28	1.141	31.955
876	CAP-CER,SMD;100pF,±10%,0402,50V,NP0	04025A101KAT2A	chiếc	739	42	31.366
877	CAP-CER,SMD;1.0uF,±10%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105K	chiếc	415	98	40.741
878	CAP-CER,SMD;470pF,±10%,0402,50V,X7R	C1005X7R1H471K	chiếc	285	38	10.804
879	CAP-CER,SMD;1000pF,±10%,0402,50V,X7R	CC0402KRX7R7BB 102	chiếc	864	11	9.611
880	RES-SMD;0OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	chiếc	170	7	1.138
881	RES-SMD;15KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	chiếc	185	40	7.433
882	CAP-CER,SMD;0.1uF,±10%,0402,16V,X7R	GRM155R71C104K A88D	chiếc	3.847	9	34.485
883	CAP-CER,SMD;10pF,±5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H100JA 01D	chiếc	554	27	14.838
884	CAP-ALUM,DIP; 100uF,20%,Radial,10V,-	ECA-1AM101I	Chiếc	8	212	1.698
885	CAP-CER,SMD;100PF,5%,0402,50V,NP0	GRM1555C1H101JA 01D	Chiếc	53	260	13.795
886	CAP-CER,SMD;1.0uF,±10%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105K0 50BC	Chiếc	60	222	13.316
887	CAP-CER,SMD;22uF,±20%,0805,6,3V,X5R	GRM21BR60J226M E39L	Chiếc	81	376	30.496
888	CAP-CER,SMD;10000pF,±10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103K A01D	Chiếc	24	26	617
889	CAP-CER,SMD;10uF,±20%,0603,6.3V,X5R	GRM188R60J106M E47D	Chiếc	46	388	17.830
890	CAP-CER,SMD;0.22uF,±10%,0402,6.3V,X5R	GRM155R60J224KE 01D	Chiếc	55	344	18.907
891	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H100JA 01D	Chiếc	35	84	2.952
892	CAP-CER,SMD;470pF,±10%,0402,50V,X7R	GRM155R71H471K A01D	Chiếc	54	256	13.799
893	CAP-CER,SMD;1000pF,±10%,0402,16V,X7R	GRM155R71C102K A01D	Chiếc	49	159	7.800
894	CAP-CER,SMD;1.2pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R2C A01D	Chiếc	35	89	3.100
895	CAP-CER,SMD;1.5pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R5C A01D	Chiếc	54	279	15.047
896	CAP-CER,SMD;1pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R0C A01D	Chiếc	55	251	13.799
897	CAP-CER,SMD;3.9pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H3R9C A01D	Chiếc	46	172	7.914
898	CAP-CER,SMD;0.75pF,±0.1pF,0402,50V,C0G	GJM1555C1HR75B B01D	Chiếc	52	403	20.942
899	CAP-CER,SMD;0.5PF,0.1pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1HR50B A01D	Chiếc	56	279	15.604
900	CAP-CER,DIP;4700pF,80/-20%,RADIAL,2KV,-	DEBF33D472ZA2B	Chiếc	15	1.050	15.751

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
901	CAP-CER,SMD;22UF,20%,1206,10V,X5R	LMK316BJ226ML-T	Chiếc	47	1.353	63.587
902	IND-SMD;4.7uH,20%,6x6x2.8mm,3A,31mOHM	NRS6028T4R7MMG K	Chiếc	13	1.482	19.266
903	IND-SMD;1.0uH,±20%,1008,1.6A,55mOHM	LQM2HPN1R0MG0 L	Chiếc	40	1.341	53.628
904	IND-SMD;2.2nH,±0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN2N2B02D	Chiếc	40	669	26.745
905	IND-SMD;12nH,±5%,0402,300mA,410mOHM	LQG15HN12NJ02D	Chiếc	48	282	13.515
906	IND-SMD;3.9nH,±0.1nH,0402,170mA,500mOHM	LQP15MN3N9B02D	Chiếc	42	625	26.259
907	IND-SMD;1.8nH,±0.1nH,0402,280mA,200mOHM	LQP15MN1N8B02D	Chiếc	47	608	28.573
908	IND-SMD;2.7nH,±0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN2N7B02D	Chiếc	39	555	21.645
909	RES-SMD;0OHM,-,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	Chiếc	26	72	1.865
910	RES-SMD;100KOHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ104X	Chiếc	60	262	15.746
911	RES-SMD;120KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1203X	Chiếc	57	279	15.895
912	RES-SMD;40.2KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF4022X	Chiếc	58	307	17.790
913	RES-SMD;13KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1302X	Chiếc	58	307	17.790
914	RES-SMD;1.0OHM,±5%,1206,1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	Chiếc	50	310	15.509
915	RES-SMD;2.43KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2431X	Chiếc	60	287	17.211
916	RES-SMD;6.19KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF6191X	Chiếc	56	279	15.616
917	RES-SMD;0OHM,-,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Chiếc	57	259	14.787
918	RES-SMD;15KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	Chiếc	58	307	17.790
919	RES-SMD;5.1KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5101X	Chiếc	58	292	16.944
920	RES-SMD;1.0KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1001X	Chiếc	40	149	5.940
921	RES-SMD;3KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3001X	Chiếc	58	307	17.790
922	RES-SMD;49.9OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF49R9X	Chiếc	49	49	2.413
923	RES-SMD;75OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF75R0X	Chiếc	80	52	4.121
924	RES-SMD;270OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ271X	Chiếc	20	75	1.503
925	RES-SMD;330OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ331X	Chiếc	47	165	7.741
926	RES-SMD;0.0OHM,-,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	Chiếc	49	295	14.458
927	RES-SMD;0.0 OHM,JUMP,1206,1/4W	RC1206JR-070RL	Chiếc	47	282	13.243
928	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X1 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLUE	J014-1116	Chiếc	11	1.954	21.496
929	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	J014-1115	Chiếc	11	3.612	39.733
930	CONN-DIP;USB RT ANG RECEPT TYPE A	73725-0110BLF	Chiếc	11	3.636	40.000
931	IC;SoC for AP and ROUTER,AR9331,LPC-148, 1x1 2.4 GHz 802.11N WLANs	AR9331-AL3A	Chiếc	11	38.130	419.435
932	IC;Step-Down Converter,MP1470GJ,SOT23-6,2A,16V,500kHz Synchronous	MP1470GJ-Z	Chiếc	195	4.539	885.194
933	IC;DDR1,EM6AA160TSB-5G,TSOP66,16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	Chiếc	11	9.375	103.128
934	IC;SERIAL FLASH MEMORY,MX25L6406EM21-12G,SOP8,64Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L6406EM21-12G	Chiếc	11	15.886	174.741
935	CRYSTAL;25.000MHz,10PPM,18pF,HC49US_TH	HC-49US	Chiếc	11	145	1.597
936	TVS-DIODE,UNIDIR,400W,6.5V/7.2V,SMA	SMAJ6.5A-TP	Chiếc	37	1.506	55.720
937	FB;330ohm@100MHz,1.5A,0805	BLM21PG331SN1D	Chiếc	32	537	17.197
938	FUSE;PTC RESETTABLE,6V,750mA,0805	MF-PSMF075X-2	Chiếc	41	1.859	76.210
939	HEAT SINK; CPU W/ADHESIVE,14x14x6mm,SQUARE,PIN PINS	CPU-141406+T410-1212	Chiếc	13	3.405	44.260
940	LED-DIP;2.1V,10mA,Radial 3mm,GREEN DIFFUSED	LTL-4231N	Chiếc	64	303	19.361
941	SWITCH;TACT,RIGHT,TH4	DTSA-62K-V	Chiếc	12	385	4.619
942	TRANSFORMER;FM-218LLF,TRANS_TH-16P_10/100 BASE-T SINGLE	FM-218LLF	Chiếc	11	681	7.493
943	TRANSFORMER;FM-318LLF,TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	Chiếc	12	995	11.939
944	TRANS-BJT;PNP,60V,600mA,SMD SOT23-3	MMBT2907A-7-F	Chiếc	82	230	18.854
945	ANTENNA;C11-2425-5-A, 2.4-2.5GHz 50ohm SMA-CON BLACK 195mm	C11-2425-5-A	Chiếc	6	4.342	26.050

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
946	SMA JACK TO SOLDER CABLE;SMA-1.13-SLD-95,100mm,1.13mm,50Ohm,0.03MHz~3000MHz	SMA-1.13-SLD-95	Chiếc	6	2.959	17.755
947	BUNCHED CABLE;ETHERNET INTERFACE W/ RJ45 PLUG ENDS, 1m length		Chiếc	6	151	905
948	POWER SUPPLY;100-240VAC 5VDC 2000MA, 2.1x5.5MM Jack,Positive Center	1702103	Chiếc	6	11.107	66.640
949	Screw:Diameter 8mm,thickness 3mm,rubber		Chiếc	7	281	1.966
950	Đế cao su dây hộp		Chiếc	52	292	15.163
951	Housing (vỏ nhựa sản phẩm)	PNC017	Chiếc	5	10.975	54.873
952	PCB ARRAY;BBR_REV0.2A, 2lớp,143.0*102.9*1.0mm, FR4,-chữtrắng,màuxanh	BROADBAND_ROTTER REV02A	Chiếc	11	6.493	71.423
953	2 each males and females of: BNC, TNC, N, Mini-UHF, UHF, SMA, F, RCA		Cái	15	45.338	680.076
954	2 each males and females of: BNC, TNC, N, Mini-UHF, UHF, SMA, F, RCA		Cái	1	45.339	45.339
955	8 universal adapters		Cái	8	45.338	362.707
956	RES 91 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0791RL	Cái	157	26	4.086
957	RES 91 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0791RL	Cái	43	26	1.115
958	RES 910 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07910RL	Cái	180	26	4.685
959	RES 8.2K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-078K2L	Cái	180	26	4.685
960	RES 75 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0775RL	Cái	180	26	4.685
961	RES 68K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0768KL	Cái	180	26	4.685
962	RES 680 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07680RL	Cái	180	26	4.685
963	RES 6.8K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-076K8L	Cái	200	26	5.206
964	RES 56K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0756KL	Cái	200	26	5.206
965	RES 56 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0756RL	Cái	200	26	5.206
966	RES 560K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07560KL	Cái	180	26	4.685
967	RES 560 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07560RL	Cái	180	26	4.685
968	RES 5.6K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-075K6L	Cái	180	26	4.666
969	RES 5.6 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-075R6L	Cái	180	26	4.666
970	RES 47 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0747RL	Cái	180	26	4.666
971	RES 470 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07470RL	Cái	180	26	4.666
972	RES 43K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0743KL	Cái	192	26	4.977
973	RES 430K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07430KL	Cái	200	26	5.184
974	RES 4.7K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-074K7L	Cái	180	26	4.666
975	RES 4.7 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-074R7L	Cái	197	26	5.106
976	RES 39 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0739RL	Cái	200	26	5.184
977	RES 390 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07390RL	Cái	200	26	5.184
978	RES 33K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0733KL	Cái	180	26	4.666
979	RES 33 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0733RL	Cái	200	26	5.184
980	RES 330 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07330RL	Cái	200	26	5.184

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
981	RES 300K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07300KL	Cái	200	26	5.184
982	RES 3.9K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073K9L	Cái	180	26	4.666
983	RES 3.9 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073R9L	Cái	200	26	5.184
984	RES 3.3K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073K3L	Cái	200	26	5.184
985	RES 3.0 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073RL	Cái	200	26	5.184
986	RES 27K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0727KL	Cái	200	26	5.184
987	RES 27 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0727RL	Cái	200	26	5.184
988	RES 270 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07270RL	Cái	180	26	4.666
989	RES 22K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0722KL	Cái	200	26	5.184
990	RES 220K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07220KL	Cái	180	26	4.666
991	RES 220 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07220RL	Cái	180	26	4.666
992	RES 20 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0720RL	Cái	177	26	4.588
993	RES 2.7K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-072K7L	Cái	200	26	5.184
994	RES 2.2K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-072K2L	Cái	180	26	4.666
995	RES 2.0 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-072RL	Cái	200	26	5.184
996	RES 180K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07180KL	Cái	200	26	5.184
997	RES 180 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07180RL	Cái	200	26	5.184
998	RES 15K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0715KL	Cái	200	26	5.184
999	RES 15 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0715RL	Cái	197	26	5.106
1000	RES 150 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07150RL	Cái	200	26	5.184
1001	RES 120K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07120KL	Cái	180	26	4.666
1002	RES 11K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0711KL	Cái	200	26	5.184
1003	RES 10 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0710RL	Cái	197	26	5.106
1004	RES 100K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07100KL	Cái	190	26	4.925
1005	RES 1.8K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071K8L	Cái	200	26	5.184
1006	RES 1.2K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071K2L	Cái	200	26	5.184
1007	RES 1.0M OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071ML	Cái	180	26	4.666
1008	RES 1.0 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071RL	Cái	200	26	5.184
1009	CAP CER 0.22UF 6.3V 10% X5R 0402	6R3R07X224KV4T	Cái	4	128	511
1010	CAP CER 0.22UF 6.3V 10% X5R 0402	6R3R07X224KV4T	Cái	46	128	5.877
1011	CAP CER 4700PF 50V 10% X7R 0402	500R07W472KV4T	Cái	50	128	6.388
1012	CAP CER 470PF 50V 10% X7R 0402	500R07W471KV4T	Cái	50	128	6.388
1013	CAP CER 3300PF 50V 10% X7R 0402	500R07W332KV4T	Cái	50	128	6.388
1014	CAP CER 2200PF 50V 10% X7R 0402	500R07W222KV4T	Cái	50	128	6.388
1015	CAP CER 10000PF 50V 10% X7R 0402	500R07W103KV4T	Cái	50	128	6.388

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1016	CAP CER 1000PF 50V 10% X7R 0402	500R07W102KV4T	Cái	50	128	6.388
1017	CAP CER 10000PF 25V 10% X7R 0402	250R07W103KV4T	Cái	50	128	6.388
1018	CAP CER 1000PF 25V 10% X7R 0402	250R07W102KV4T	Cái	50	128	6.388
1019	CAP CER 0.1UF 16V Y5V 0402	160R07Y104ZV4T	Cái	50	128	6.388
1020	CAP CER 0.1UF 16V 10% X5R 0402	160R07X104KV4T	Cái	40	128	5.111
1021	CAP CER 0.022UF 16V 10% X7R 0402	160R07W223KV4T	Cái	50	128	6.388
1022	CAP CER 10000PF 16V 10% X7R 0402	160R07W103KV4T	Cái	50	128	6.388
1023	CAP CER 0.1UF 10V 10% X5R 0402	100R07X104KV4T	Cái	50	128	6.388
1024	CAP CER 220PF 25V 5% NP0 0402	250R07N221JV4T	Cái	50	128	6.388
1025	CAP CER 150PF 25V 5% NP0 0402	250R07N151JV4T	Cái	50	128	6.388
1026	CAP CER 100PF 50V 5% NP0 0402	500R07N101JV4T	Cái	50	128	6.388
1027	CAP CER 68PF 50V 5% NP0 0402	500R07N680JV4T	Cái	50	128	6.388
1028	CAP CER 47PF 50V 5% NP0 0402	500R07N470JV4T	Cái	50	128	6.388
1029	CAP CER 33PF 50V 5% NP0 0402	500R07N330JV4T	Cái	50	128	6.388
1030	CAP CER 22PF 50V 5% NP0 0402	500R07N220JV4T	Cái	50	128	6.388
1031	CAP CER 15PF 50V 5% NP0 0402	500R07N150JV4T	Cái	50	128	6.383
1032	CAP CER 6.8PF 50V NP0 0402	500R07N6R8CV4T	Cái	50	128	6.383
1033	CAP CER 4.7PF 50V NP0 0402	500R07N4R7CV4T	Cái	50	128	6.383
1034	CAP CER 3.3PF 50V NP0 0402	500R07N3R3CV4T	Cái	50	128	6.383
1035	CAP CER 2.2PF 50V NP0 0402	500R07N2R2CV4T	Cái	50	128	6.383
1036	CAP CER 1PF 50V NP0 0402	500R07N1R0CV4T	Cái	50	128	6.383
1037	INDUCTOR 10NH 5% 0402 SMD	ELJ-PF10NJFB	Cái	30	300	8.988
1038	INDUCTOR 10NH 5% 0402 SMD	ELJ-PF10NJFB	Cái	30	300	8.988
1039	INDUCTOR 4.7NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF4N7DFB	Cái	30	300	8.988
1040	INDUCTOR 3.3NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF3N3DFB	Cái	26	300	7.789
1041	INDUCTOR 3.3NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF3N3DFB	Cái	4	299	1.198
1042	INDUCTOR 2.2NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF2N2DFB	Cái	30	299	8.985
1043	INDUCTOR 10NH 5% 0402 SMD	ELJ-QF10NJF	Cái	30	299	8.985
1044	INDUCTOR 8.2NH 5% 0402 SMD	ELJ-QF8N2JF	Cái	30	299	8.985
1045	INDUCTOR 6.8NH 5% 0402 SMD	ELJ-QF6N8JF	Cái	30	299	8.985
1046	INDUCTOR 4.7NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF4N7DF	Cái	30	299	8.985
1047	INDUCTOR 3.3NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF3N3DF	Cái	30	299	8.985
1048	INDUCTOR 2.2NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF2N2DF	Cái	30	299	8.985
1049	INDUCTOR 1.5NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF1N5DF	Cái	30	299	8.985
1050	INDUCTOR 1.0NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF1N0DF	Cái	30	299	8.985
1051	CAP THIN FILM 8.2PF 50V 0603	06035J8R2BBS	Cái	20	1.359	27.181
1052	CAP THIN FILM 3.9PF 50V 0603	06031J3R9BBS	Cái	9	1.359	12.232
1053	CAP THIN FILM 3.9PF 50V 0603	06031J3R9BBS	Cái	11	1.359	14.951
1054	CAP THIN FILM 3PF 50V 0603	06031J3R0BBS	Cái	15	1.359	20.388
1055	CAP THIN FILM 2.7PF 50V 0603	06031J2R7BBS	Cái	15	1.359	20.388
1056	CAP THIN FILM 2.4PF 50V 0603	06031J2R4BBS	Cái	15	1.359	20.388
1057	CAP THIN FILM 2.2PF 50V 0603	06031J2R2BBS	Cái	15	1.359	20.388
1058	CAP THIN FILM 2PF 50V 0603	06031J2R0BBS	Cái	15	1.359	20.388
1059	CAP THIN FILM 1.8PF 50V 0603	06031J1R8BBS	Cái	20	1.359	27.184
1060	CAP THIN FILM 1.5PF 50V 0603	06031J1R5BBS	Cái	20	1.359	27.184

STT	Chi tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1061	CAP THIN FILM 1.2PF 50V 0603	06031J1R2BBS	Cái	20	1.359	27.184
1062	CAP THIN FILM 1.1PF 50V 0603	06031J1R1BBS	Cái	20	1.359	27.184
1063	CAP THIN FILM 1PF 50V 0603	06031J1R0BBS	Cái	20	1.359	27.184
1064	CAP THIN FILM 12PF 50V 0603	06035J120GBS	Cái	10	1.359	13.592
1065	CAP THIN FILM 10PF 50V 0603	06035J100GBS	Cái	10	1.359	13.592
1066	CAP THIN FILM 0.9PF 50V 0603	06031J0R9BBS	Cái	20	1.359	27.184
1067	CAP THIN FILM 0.8PF 50V 0603	06031J0R8BBS	Cái	20	1.359	27.184
1068	CAP THIN FILM 0.7PF 50V 0603	06031J0R7BBS	Cái	20	1.359	27.184
1069	CAP THIN FILM 15PF 25V 0603	06035J150GBS	Cái	10	1.359	13.592
1070	CAP THIN FILM 0.6PF 50V 0603	06031J0R6BBS	Cái	20	1.359	27.184
1071	CAP THIN FILM 0.5PF 50V 0603	06031J0R5BBS	Cái	20	1.359	27.184
1072	CAP THIN FILM 0.3PF 50V 0603	06031J0R3ABS	Cái	20	1.359	27.184
1073	CAP THIN FILM 0.2PF 50V 0603	06031J0R2ABS	Cái	20	1.359	27.184
1074	CAP THIN FILM 0.1PF 50V 0603	06031J0R1ABS	Cái	20	1.359	27.184
1075	RES 910K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ914V	Cái	3	36	109
1076	RES 910K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ914V	Cái	197	37	7.191
1077	RES 9.1K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ912V	Cái	200	37	7.301
1078	RES 7.5K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ752V	Cái	200	37	7.301
1079	RES 750K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ754V	Cái	200	37	7.301
1080	RES 620K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ624V	Cái	200	37	7.301
1081	RES 6.2K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ622V	Cái	200	37	7.301
1082	RES 510K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ514V	Cái	200	37	7.301
1083	RES 5.1K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ512V	Cái	200	37	7.301
1084	RES 430K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ434V	Cái	200	37	7.301
1085	RES 4.3K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ432V	Cái	200	37	7.301
1086	RES 360K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ364V	Cái	200	37	7.301
1087	RES 3.6K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ362V	Cái	200	37	7.301
1088	RES 300K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ304V	Cái	200	37	7.301
1089	RES 3.0K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ302V	Cái	200	37	7.301
1090	RES 240K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ244V	Cái	200	37	7.301
1091	RES 2.4K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ242V	Cái	200	37	7.301
1092	RES 200K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ204V	Cái	200	37	7.301
1093	RES 2.0K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ202V	Cái	200	37	7.301
1094	RES 160K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ164V	Cái	200	37	7.301
1095	RES 1.6K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ162V	Cái	200	37	7.301
1096	RES 130K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ134v	Cái	200	37	7.301
1097	RES 1.3K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ132V	Cái	200	37	7.301
1098	RES 110K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ114v	Cái	200	37	7.301
1099	RES 1.1K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ112V	Cái	200	36	7.279
1100	RES 91K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ913V	Cái	200	36	7.279
1101	RES 910 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ911V	Cái	200	36	7.279
1102	RES 75K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ753V	Cái	200	36	7.279
1103	RES 750 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ751V	Cái	200	36	7.279
1104	RES 62K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ623V	Cái	200	36	7.279
1105	RES 620 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ621V	Cái	200	36	7.279
1106	RES 51K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ513V	Cái	200	36	7.279
1107	RES 510 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ511V	Cái	200	36	7.279
1108	RES 43K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ433V	Cái	200	36	7.279
1109	RES 430 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ431V	Cái	200	36	7.279
1110	RES 36K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ363V	Cái	200	36	7.279
1111	RES 360 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ361V	Cái	130	36	4.731
1112	RES 30K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ303V	Cái	200	36	7.279
1113	RES 300 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ301V	Cái	130	36	4.731
1114	RES 24K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ243V	Cái	200	36	7.279
1115	RES 240 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ241V	Cái	180	36	6.551
1116	RES 20K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ203V	Cái	200	36	7.279
1117	RES 200 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ201V	Cái	180	36	6.551
1118	RES 160 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ161V	Cái	130	36	4.731
1119	RES 13K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ133V	Cái	200	36	7.279
1120	RES 130 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ131V	Cái	180	36	6.551
1121	RES 11K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ113V	Cái	200	36	7.279

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1122	RES 110 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ111V	Cái	160	36	5.823
1123	RES 91 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ910V	Cái	180	36	6.551
1124	RES 75 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ750V	Cái	170	36	6.187
1125	RES 62 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ620V	Cái	200	36	7.279
1126	RES 51 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ510V	Cái	200	36	7.279
1127	RES 43 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ430V	Cái	200	36	7.279
1128	RES 36 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ360V	Cái	200	36	7.279
1129	RES 30 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ300V	Cái	200	36	7.279
1130	RES 24 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ240V	Cái	200	36	7.279
1131	RES 20 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ200V	Cái	200	36	7.279
1132	RES 11 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ110V	Cái	185	36	6.733
1133	RES 16 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ160V	Cái	200	36	7.279
1134	RES 13 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ130V	Cái	200	36	7.279
1135	RES 16K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ163V	Cái	200	36	7.279
1136	INDUCTOR 5.6NH .7A 0603 5%	B82496C3569J	Cái	15	740	11.097
1137	INDUCTOR 56NH .25A 0603 5%	B82496C3560J	Cái	15	740	11.097
1138	INDUCTOR 3.9NH 1.1A 0603 5%	B82496C3399J	Cái	15	740	11.097
1139	INDUCTOR 39NH .3A 0603 5%	B82496C3390J	Cái	15	740	11.097
1140	INDUCTOR 2.7NH +-.3NH 1.4A 0603	B82496C3279A	Cái	15	740	11.097
1141	INDUCTOR 27NH .36A 0603 5%	B82496C3270J	Cái	15	740	11.097
1142	INDUCTOR 1.8NH +-.3NH 1.5A 0603	B82496C3189A	Cái	15	740	11.097
1143	INDUCTOR 18NH .4A 0603 5%	B82496C3180J	Cái	1	740	740
1144	INDUCTOR 18NH .4A 0603 5%	B82496C3180J	Cái	14	740	10.359
1145	INDUCTOR 8.2NH .65A 0603 5%	B82496C3829J	Cái	15	740	11.099
1146	INDUCTOR 82NH .22A 0603 5%	B82496C3820J	Cái	15	740	11.099
1147	INDUCTOR 6.8NH .7A 0603 5%	B82496C3689J	Cái	15	740	11.099
1148	INDUCTOR 68NH .23A 0603 5%	B82496C3680J	Cái	15	740	11.099
1149	INDUCTOR 4.7NH .8A 0603 5%	B82496C3479J	Cái	10	740	7.399
1150	INDUCTOR 47NH .27A 0603 5%	B82496C3470J	Cái	15	740	11.099
1151	INDUCTOR 3.3NH 1.2A 0603	B82496C3339A	Cái	15	740	11.099
1152	INDUCTOR 33NH .35A 0603 5%	B82496C3330J	Cái	15	740	11.099
1153	INDUCTOR 2.2NH 1.5A 0603	82496C3229A	Cái	15	740	11.099
1154	INDUCTOR 220NH .11A 0603 5%	B82496C3221J	Cái	15	740	11.099
1155	INDUCTOR 22NH .38A 0603 5%	B82496C3220J	Cái	15	740	11.099
1156	INDUCTOR 1.5NH 1.5A 0603	B82496C3159A	Cái	15	740	11.099
1157	INDUCTOR 15NH .42A 0603 5%	B82496C3150J	Cái	15	740	11.099
1158	INDUCTOR 12NH .45A 0603 5%	B82496C3120J	Cái	15	740	11.099
1159	INDUCTOR 100NH .2A 0603 5%	B82496C3101J	Cái	15	740	11.099
1160	INDUCTOR 10NH .6A 0603 5%	B82496C3100J	Cái	15	740	11.099
1161	CAP CER 470PF 100V 20% X7R 0603	101X14W471MV4	Cái	50	310	15.476
1162	CAP CER 2200PF 100V 20% X7R 0603	101X14W222MV4	Cái	50	310	15.476
1163	CAP CER 220PF 100V 20% X7R 0603	101X14W221MV4	Cái	17	310	5.262
1164	CAP CER 220PF 100V 20% X7R 0603	101X14W221MV4	Cái	33	310	10.218
1165	CAP CER 1500PF 100V X7R 0603	101X14W152MV4	Cái	50	310	15.482
1166	CAP CER 1000PF 100V X7R 0603	101X14W102MV4	Cái	50	310	15.482
1167	CAP CER 47PF 100V 20% NP0 0603	101X14N470MV4	Cái	50	310	15.482
1168	CAP CER 33PF 100V 20% NP0 0603	101X14N330MV4	Cái	50	310	15.482
1169	CAP CER 22PF 100V 20% NP0 0603	101X14N220MV4	Cái	50	310	15.482
1170	CAP CER 1PF 100V NP0 0603	101X14N1R0DV4	Cái	50	310	15.482
1171	CAP CER 10PF 100V 20% NP0 0603	101X14N100MV4	Cái	50	310	15.482
1172	CAP CER 4700PF 100V 20% X7R 0603	101X14W472MV4	Cái	45	310	13.934

STT	Chỉ tiêu	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1173	CAP CER 10000PF 50V 20% X7R 0603	500X14W103MV4	Cái	50	310	15.482
1174	CAP CER 100PF 50V 20% NP0 0603	500X14N101MV4	Cái	50	310	15.482
1175	RES 82K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0782KL	Cái	200	26	5.184
1176	RES 82 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0782RL	Cái	200	26	5.184
1177	RES 820K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07820KL	Cái	200	26	5.184
1178	RES 820 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07820RL	Cái	200	26	5.184
1179	RES 8.2K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-078K2L	Cái	33	26	855
1180	RES 8.2K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-078K2L	Cái	167	26	4.311
1181	RES 8.2 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-078R2L	Cái	200	26	5.162
1182	RES 68K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0768KL	Cái	200	26	5.162
1183	RES 68 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0768RL	Cái	200	26	5.162
1184	RES 680K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07680KL	Cái	200	26	5.162
1185	RES 680 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07680RL	Cái	200	26	5.162
1186	RES 6.8K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-076K8L	Cái	200	26	5.162
1187	RES 6.8 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-076R8L	Cái	200	26	5.162
1188	RES 56K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0756KL	Cái	200	26	5.162
1189	RES 56 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0756RL	Cái	200	26	5.162
1190	RES 560K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07560KL	Cái	200	26	5.162
1191	RES 560 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07560RL	Cái	200	26	5.162
1192	RES 5.6K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-075K6L	Cái	200	26	5.162
1193	RES 5.6 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-075R6L	Cái	200	26	5.162
1194	RES 47K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0747KL	Cái	200	26	5.162
1195	RES 47 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0747RL	Cái	200	26	5.162
1196	RES 470K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07470KL	Cái	200	26	5.162
1197	RES 470 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07470RL	Cái	200	26	5.162
1198	RES 4.7K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-074K7L	Cái	200	26	5.162
1199	RES 4.7 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-074R7L	Cái	200	26	5.162
1200	RES 39K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0739KL	Cái	200	26	5.162
1201	RES 39 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0739RL	Cái	200	26	5.162
1202	RES 390K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07390KL	Cái	200	26	5.162
1203	RES 390 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07390RL	Cái	200	26	5.162
1204	RES 33K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0733KL	Cái	200	26	5.162
1205	RES 33 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0733RL	Cái	200	26	5.162
1206	RES 330K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07330KL	Chiếc	200	26	5.162